

TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC K14 (2013 – 2015)

1. Đề tài: Vấn đề nhân quyền trong quan hệ của Liên minh châu Âu (EU) với Việt Nam (1995 – 2015)

Học viên: Đỗ Minh Quang

Việt Nam và Cộng đồng châu Âu (EC, về sau là Liên minh châu Âu -EU) chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 28/11/1990. Ngày 17/7/1995, Việt Nam - EU ký kết Hiệp định khung về hợp tác thiết lập các nguyên tắc cơ bản nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai bên. Từ đó đến nay, quan hệ Việt Nam - EU đã phát triển nhanh chóng cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Tuy nhiên, quan hệ Việt Nam – EU vẫn còn những trở ngại liên quan vấn đề nhân quyền. Đó là do trong chính sách đối ngoại của EU, vấn đề nhân quyền là một trong những ưu tiên chính sách. Do đó, mặc dù công nhận những thành quả ấn tượng của Việt Nam về xóa đói giảm nghèo, và đảm bảo quyền lợi xã hội và kinh tế của công dân, EU vẫn cho rằng Việt Nam cần tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi, hướng tới một xã hội cởi mở hơn.

Luận văn hướng tới mục tiêu làm rõ làm rõ vai trò, vị trí và việc sử dụng vấn đề nhân quyền trong quan hệ của EU với Việt Nam, từ đó đưa ra những khuyến nghị, đề xuất nhằm tăng cường, thúc đẩy quan hệ EU-Việt Nam trong thời gian tới.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Khái quát về EU và quan hệ Việt Nam – EU từ 1995 -2015. Nội dung chương này trình bày những nét khái quát nhất về EU, về quan hệ Việt Nam – EU trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng...

- **Chương 2.** Vị trí, vai trò và tác động của vấn đề nhân quyền tới quan hệ của EU với Việt Nam. Nội dung chương này nêu khái quát về chính sách đối ngoại của EU và vị trí, vai trò của vấn đề nhân quyền trong quan hệ của EU với các nước, trong đó có Việt Nam; đánh giá các tác động của vấn đề nhân quyền tới quan hệ EU – Việt Nam từ 1995 – 2015.

- **Chương 3.** Đánh giá và khuyến nghị chính sách xử lý vấn đề nhân quyền trong quan hệ Việt Nam – EU. Nội dung chương này đưa ra những đánh giá của tác giả và một số khuyến nghị về chính sách nhằm xử lý hài hòa, giảm thiểu những bất đồng giữa EU và Việt Nam liên quan vấn đề nhân quyền để từ đó thúc đẩy quan hệ Việt Nam – EU đi vào chiều sâu, tăng cường hợp tác toàn diện trên nhiều mặt.

2. Đề tài: “Chính sách ASEAN của Trung Quốc từ Đại hội 18 Đảng Cộng sản Trung Quốc”.

Học viên: Đinh Thành Nam

Sau hơn 3 thập kỷ cải cách mở cửa, sức mạnh tổng hợp của TQ trên các lĩnh vực không ngừng tăng cao, vị thế của TQ ngày càng được khẳng định trên trường quốc tế. TQ thực sự đã trở thành một cường quốc có vai trò điều phối tới quan hệ quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp tới chính sách đối ngoại của các nước trên thế giới. Trong thời gian này, ASEAN cũng nổi lên là một khu vực năng động, có tốc độ phát triển cao và được các cường quốc tập trung tranh giành ảnh hưởng. Riêng với TQ, ASEAN có vai trò đặc biệt quan trọng do ASEAN có một thị trường tiềm năng với nguồn tài nguyên phong phú, vị trí địa chính trị chiến lược giúp TQ đảm bảo an ninh quốc gia trước sự bao vây kiềm chế của Mỹ và các đồng minh.

Đặc biệt, từ ĐH18 (11/2012), Ban lãnh đạo mới TQ đã khẳng định sự ưu tiên giành cho chính sách Ngoại giao láng giềng với trọng tâm đặt vào ASEAN. Việc triển khai thực hiện chính sách ASEAN của TQ đã, đang và sẽ tạo ra cơ hội cũng như thách thức đối với Việt Nam trên nhiều phương diện về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng... Do vậy, việc nghiên cứu chính sách ASEAN của TQ, tác động của chính sách này đến ASEAN, Việt Nam và đưa ra những dự báo, đề xuất phục vụ hiệu quả cho công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam thời gian tới là rất cần thiết.

Luận văn thạc sĩ chuyên ngành quan hệ quốc tế “Chính sách ASEAN của Trung Quốc từ Đại hội 18 Đảng Cộng sản Trung Quốc” đã tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách ASEAN của TQ như tình hình quốc tế khu vực, mục tiêu phát triển của TQ cũng như các vấn đề tồn tại bên trong khối ASEAN; thực trạng triển khai chính sách ASEAN của TQ từ ĐH18 trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự..., đặc biệt là một số điểm nóng như vấn đề Biển Đông, sông Mekong; các tác động của chính sách này đến ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả đã từ đó đưa ra những dự báo về sự triển khai chính sách ASEAN của TQ trong thời gian tới. Từ đó, mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể phù hợp cho công tác hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam, nhất là trong bối cảnh TQ đang muốn khẳng định vị thế lãnh đạo ở châu Á, Mỹ đẩy mạnh triển khai “tái cân bằng” ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, vấn đề Biển Đông tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp.

3. Đề tài: Vai trò của Việt Nam trong việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN

Học viên: Dương Thùy Linh

Kể từ khi gia nhập ASEAN vào năm 1995 cho đến nay, Việt Nam đã có rất nhiều đóng góp đáng kể cho quá trình hợp tác, liên kết của Hiệp hội, đặc biệt trên lĩnh vực chính trị - an ninh. Với tư cách là một thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm, Việt Nam đã và đang tiếp tục đóng góp nhiều hơn vào mục tiêu xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN. Trên cơ sở nhận thức về tầm quan trọng của việc tham gia xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và vai trò của Việt Nam trong vấn đề này mà tác giả lựa chọn đề tài “Vai trò của Việt Nam trong việc xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN” làm luận văn tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được kết cấu gồm ba chương:

Chương 1: Quá trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN từ năm 2003 đến 2015 là phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến quá trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN và trình bày tổng quan về quá trình này từ năm 2003 đến nay; **Chương 2: Chủ trương và vai trò của Việt Nam đối với quá trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN từ năm 2003 đến 2015** là trình bày chủ trương của Việt Nam đối với quá trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN và phân tích vai trò của Việt Nam đối với quá trình này từ năm 2003 đến 2015; **Chương 3: Triển vọng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sau năm 2015 và vai trò của Việt Nam** dự báo triển vọng của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN sau năm 2015 và vai trò của Việt Nam trong Cộng đồng này, từ đó đề xuất một số khuyến nghị.

4. Đề tài: Tác động của đầu tư trực tiếp Hàn Quốc vào Việt Nam tới quan hệ ngoại giao Hàn – Việt tới năm 2020

Học viên: Kim Jee Hae

Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ và trở thành xu thế tất yếu của mọi quốc gia, trong đó hoạt động đầu tư luôn giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Sau 23 năm chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, quan hệ Hàn Quốc – Việt Nam đã phát triển với tốc độ nhanh hiếm thấy trên hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị và kinh tế. Hai nước còn có những tiềm năng to lớn có thể bổ sung cho nhau trong quá trình hợp tác và phát triển. Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài “**Tác động của đầu tư trực tiếp Hàn Quốc vào Việt Nam tới quan hệ ngoại giao Hàn – Việt tới năm 2020**” để viết luận văn.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn chia làm 3 chương với các nội dung chính sau đây:

Chương 1: Các nhân tố chủ yếu thúc đẩy đầu tư trực tiếp Hàn Quốc vào Việt Nam, bao gồm các nhân tố quốc tế, chính sách đối mới của Việt Nam, các nhân tố nội tại của Hàn Quốc cũng như tổng quan sự phát triển mạnh mẽ quan hệ chính trị - ngoại giao Hàn Quốc – Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc tại Việt Nam và tác động của nó tới quan hệ Hàn Quốc – Việt Nam ở các khía cạnh quan hệ ngoại giao, hợp tác văn hóa giáo dục và hợp tác về khoa học kỹ thuật.

Chương 3: Triển vọng đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam và mối quan hệ Hàn Quốc – Việt Nam tới năm 2020, và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy cũng như chia sẻ hợp tác.

Với nền tảng là sự phát triển nhanh chóng và toàn diện trong thời gian qua, sự tăng trưởng trong quan hệ giữa hai nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới và đến năm 2020 sẽ đạt được mức phát triển tối ưu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực để từ đó duy trì trạng thái phát triển ổn định và bền vững.

5. Đề tài: Sông Mê Công: An ninh nguồn nước và tác động đến Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thùy Anh

Mê Công là dòng sông gắn bó mật thiết với đời sống vật chất và tinh thần của các cộng đồng người dân ven sông tại Trung Quốc và năm quốc gia Đông Nam Á lục địa. Hiện nay, hàng loạt các dự án xây dựng đập thủy điện cùng tác động của biến đổi khí hậu đang đe dọa nghiêm trọng đến an ninh nguồn nước của dòng sông. Sông Mê Công chảy qua 1/5 lãnh thổ Việt Nam và đi qua hai khu vực là đồng bằng sông Cửu Long và Tây nguyên. Trong đó, đồng bằng sông Cửu Long là nơi sản xuất 60% sản lượng lúa trong nước, 90% lượng gạo xuất khẩu và gần 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Với vị trí là nước cuối cùng ở hạ nguồn, an ninh toàn diện của Việt Nam sẽ dễ bị tổn thương nhất từ những thay đổi tiêu cực trên dòng sông.

Luận văn tập trung nghiên cứu nguyên nhân và hệ quả của bất ổn nguồn nước sông Mê Công hiện nay; đặc biệt đi sâu phân tích những tác động đối với an ninh toàn diện của Việt Nam. Vấn đề an ninh nguồn nước sông Mê Công đã đặt ra nhu cầu cần phải nhìn nhận vấn đề từ góc độ “an ninh toàn diện”, có nghĩa là an ninh không chỉ bó hẹp trong phòng thủ quốc gia hay sức mạnh quân sự mà còn liên quan đến những mối đe dọa ảnh hưởng đến các khía cạnh kinh tế, môi trường và con người. Việt Nam là nước cuối nguồn, chịu tổn hại lớn nhất từ các đập thủy điện trên thượng nguồn và là nước thứ tư trong số các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu.

Để đối phó với các thách thức liên quan đến dòng sông Mê Công, Việt Nam cần phối – kết – hợp nhóm các biện pháp ngoại giao từ luật quốc tế, truyền thông, kinh tế, ngoại giao nhân dân song hành với ngoại giao học giả, ngoại giao song phương đồng thời với ngoại giao đa phương. Hơn hết, là một nước ở cuối nguồn lại là một nước nhỏ, để các công cụ ngoại giao kể trên phát huy được tối đa thế mạnh, Việt Nam cần: (1) nâng cao nội lực đất nước; (2) tăng cường tính đồng thuận nội bộ và (3) cải thiện chất lượng nguồn nhân lực.

6. Đề tài: Do thám mạng trong an ninh quốc tế đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Tiến Trường.

Bước vào thế kỉ 21, cùng với sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin (CNTT) đã trở thành một trong những thành tố của sức mạnh quốc gia, đứng ngang hàng với công nghiệp, nông nghiệp, mậu dịch, quân sự, đất đai, dân số, văn hóa, tư tưởng và giáo dục. Trình độ thông tin cao hay thấp có ảnh hưởng trực tiếp đến sức mạnh và địa vị quốc tế của một quốc gia và tiến tới ảnh hưởng tới toàn bộ cục diện chiến lược quốc tế. Với những ưu thế vượt trội của mình, ngành CNTT đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của thế giới. Công nghệ thông tin đặc biệt là Internet đã làm cho thế giới ngày càng gần gũi nhau hơn, tăng cường sự hiểu biết, giao lưu và hợp tác giữa các dân tộc, các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, cuộc sống bao giờ cũng có hai mặt. Những lợi ích mà Công nghệ Thông tin mang lại cho đời sống quốc tế càng to lớn bao nhiêu thì những vấn đề an ninh, mà cụ thể là do thám mạng đã, đang đặt ra rất nhiều thách thức an ninh đối với tất cả cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, quốc gia cũng như đời sống quốc tế bấy nhiêu.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu, làm rõ khái niệm do thám mạng, mối quan hệ giữa do thám mạng trong an ninh quốc tế đồng thời đưa ra những ví dụ có tính khảo thí điển hình nhằm khẳng định do thám mạng là hoạt động có thực, đã và đang tác động vô cùng to lớn đến đời sống quốc tế trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, chính trị xã hội. Để giải quyết vấn đề Do thám mạng, các quốc gia, các tổ chức và các khu vực trên Thế giới bước đầu đã có những hợp tác nhất định. Tuy nhiên, do thám mạng cũng là nguyên nhân chính làm gia tăng sự nghi kị giữa các quốc gia, dẫn đến tình trạng do thám lẫn nhau để tìm kiếm cơ hội kiềm chế đối phương cũng như phòng chống các hoạt động do thám mạng ngược lại từ đối phương đối với an ninh quốc gia mình. Do đó các hoạt động hợp tác trong vấn đề Do thám mạng hiện nay còn đang rất hạn chế.

Ngoài ra, luận văn cũng dành một phần để phân tích những nguy cơ do thám mạng đối với Việt Nam đặc biệt từ năm 1997 khi Việt Nam chính thức đưa internet vào sử dụng. Trải qua hơn hai thập kỷ, Việt Nam đã trở thành một trong mười quốc gia có tốc độ phát triển Internet nhanh nhất Thế giới, điều đó đồng nghĩa với việc Việt Nam đã và đang phải đứng trước những nguy cơ vô cùng lớn từ các hoạt động do thám mạng. Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả phòng chống vấn đề do thám mạng đối với Việt Nam đặc biệt là đối với các cơ quan Đảng và Chính phủ.

7. Đề tài: Chính sách quản lý tổ chức quốc tế phi chính phủ INGO của nước CHDCND Lào

Học viên: Alita Douangkeomany

INGO hiện nay đang hoạt động trên toàn thế giới và đem lại những thay đổi tích cực trong cuộc sống của người dân. INGO góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu, đặc biệt là ở các Quốc gia đang và kém phát triển trong đó có Lào. Đối với Lào, cho đến thời điểm hiện tại, INGO đã có vai trò đặc biệt quan trọng giúp Lào xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và trong nhiều lĩnh vực khác góp phần vào sự đổi mới và phát triển của đất nước. Có thể thấy, CHDCND Lào đã nhận thức được vai trò quan trọng của INGO trong đời sống quốc tế đặc biệt tại nước Lào. Hơn nữa trước nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện Lào còn nhiều khó khăn, Lào cần tranh thủ tối đa nguồn viện trợ của cộng đồng quốc tế trong đó có các INGO. Trên thực tế, các INGO chỉ thực chất hoạt động nhiều và hiệu quả khi Lào tiến hành công cuộc đổi mới đất nước. Việc nghiên cứu quan hệ giữa Lào và INGO có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm tăng cường hiểu biết về những đóng góp của các INGO đối với công cuộc phát triển đất nước của Lào và làm cơ sở cho việc phát huy tối đa vai trò của các INGO tại Lào trong tương lai.

Ngoài phần mở đầu, nội dung, tiểu kết, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo. Luận văn này được chia thành 3 chương:

Chương 1: Khái quát về INGO và bối cảnh ra đời của chính sách quản lý INGO của LÀO.

Chương này tập trung làm rõ: INGO là gì? Hoạt động của INGO tại Lào và lĩnh vực hoạt động? Bối cảnh ra đời các chính sách quản lý INGO tại Lào? Nguyên nhân ra đời của các chính sách trên? Từ những phân tích này, sẽ làm nền tảng để tiếp cận sâu hơn các vấn đề được đề cập tại Chương 2 và Chương 3.

Chương 2: Triển khai và đánh giá chính sách quản lý của Lào với các tổ chức quốc tế phi chính phủ(INGO)

Chương này tập trung làm rõ: mối quan hệ giữa Lào và các tổ chức INGO, chính sách quản lý và hợp tác với các INGO; Đánh giá lại công tác quản lý INGO tại Lào trong thời gian qua; Quan điểm của các INGO về chính sách quản lý của Lào; Thành tựu và hiệu quả của các chính sách quản lý. Hiện trạng trước khi INGO vào Lào và sau khi INGO vào Lào.

Chương 3: Triển vọng điều chỉnh chính sách quản lý trong thời gian tới.

Chương này tập trung làm rõ các vấn đề về các hướng triển khai thực hiện chính sách quản lý INGO của Chính phủ Lào trong thời gian tới. Từ đó, xác định những ưu tiên trong các hoạt động của INGO tại Lào trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm thúc đẩy quản lý và hợp tác giữa Lào và INGO, nâng cao hiệu quả của việc vận động – quản lý – sử dụng nguồn viện trợ.

8. Đề tài: Chính sách chống mua bán người của Việt Nam trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn 2004 – 2015 và dự báo đến năm 2020

Học viên: Nguyễn Thái Minh Minh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, nhất là về kinh tế, nhưng cũng khiến Việt Nam phải đối mặt với những thách thức to lớn trong vấn đề an ninh phi truyền thống, một trong số đó là nạn mua bán người. Đây là một loại tội phạm xuyên quốc gia nguy hiểm ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội, an ninh – quốc phòng và đối ngoại. Các quốc gia và cộng đồng quốc tế đã và đang rất nỗ lực để chống lại loại tội phạm nguy hiểm này. Bản thân Việt Nam không thể một mình chống lại loại hình tội phạm này, mà cần phải có sự hợp tác với các nước khác, đặc biệt là những nước trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS).

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kết cấu luận văn gồm ba chương: **Chương 1. Vấn đề mua bán người tại tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng:** tập trung phân tích tình hình mua bán người tại GMS và ở Việt Nam, quan điểm của Việt Nam về mua bán người và cơ sở pháp lý của việc hợp tác với các nước và các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự trong phòng chống mua bán người. Đây là cơ sở để hình thành nên chính sách chống mua bán người của Việt Nam; **Chương 2. Chính sách chống mua bán người của Việt Nam qua các giai đoạn:** đi sâu phân tích việc định hình, triển khai chính sách giai đoạn 2004 – 2010, sự đổi mới của chính sách trong giai đoạn 2011 – 2015 và rút ra những kết quả, bài học kinh nghiệm mà Việt Nam đã đạt được, cũng như những hạn chế còn tồn tại; **Chương 3. Triển vọng chính sách của Việt Nam về chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020:** dự báo tình hình mua bán người đến năm 2020 và những thách thức đặt ra cho Việt Nam trong vấn đề chống mua bán người, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp cải thiện chính sách của Việt Nam về chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020.

9. Đề tài: Quan hệ Liên Bang Nga - BRICS

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Tâm

Vào đầu thế kỷ XXI, nhóm BRICS hay còn gọi là “các cường quốc hưng thịnh” bao gồm 5 nước Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi (Brazil, Russia, India, China, South Africa - viết tắt BRICS) là những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế ngoạn mục. BRICS sở hữu những ưu thế quan trọng cho sự tăng trưởng như: diện tích đất đai rộng lớn, dân số đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và các nước BRICS cũng đang ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế và chính trị thế giới. Đặc biệt, trong các nước BRICS có Liên bang Nga (LB Nga) là một cường quốc Âu – Á đã có vai trò hàng đầu trong việc tập hợp và đưa ra nhiều sáng kiến để thúc đẩy BRICS phát triển.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc thúc đẩy hợp tác với các nước còn lại trong BRICS, LB Nga đã có những chính sách và hành động quan trọng để thành lập, duy trì và phát triển nhóm nước này. Cho đến nay, LB Nga đã chính thức ban hành hai văn bản thể hiện rõ quan điểm và chiến lược của Nga trong BRICS đó là: Quan điểm về sự tham gia của Liên Bang Nga trong BRICS (2013), và Quan điểm của Liên Bang Nga trong vai trò chủ tịch BRICS 2015 - 2016. Việc LB Nga tăng cường quan hệ với nhóm nước này đã giúp Nga cải thiện về kinh tế, phục hưng lại sức mạnh của một cường quốc trước đây và tạo đối trọng với phương Tây. Quan hệ LB Nga – BRICS ngày nay đã xây dựng được sự hợp tác trong tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến giáo dục, y tế, nông nghiệp, môi trường... Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hợp tác LB Nga - BRICS vẫn còn tồn tại không ít hạn chế và đối mặt với nhiều trở ngại. Điều này không chỉ làm ảnh hưởng đến sức mạnh của nhóm mà còn tác động đến những chiến lược và mục tiêu của Nga. Chính vì thế LB Nga đang tích cực đẩy mạnh hợp tác hơn nữa với các quốc gia BRICS khác.

Dựa trên các yếu tố tác động đến sự phát triển của BRICS và quan hệ Liên Bang Nga - BRICS, xu hướng hợp tác LB Nga - BRICS đang có những dấu hiệu tích cực, đặc biệt là trong giải quyết mối quan hệ với Mỹ và EU.

10. Đề tài: Quan hệ Trung Quốc – Indonesia từ năm 1990 đến năm 2014

Học viên Trần Hữu Khánh

Từ khi chính thức được khôi phục vào năm 1990 đến nay, quan hệ Trung Quốc – Indonesia đã có những bước phát triển rất đáng kể trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, an ninh – quốc phòng. Mỗi quan hệ này có tác động không nhỏ đến ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu quan hệ Trung Quốc – Indonesia từ sau chiến tranh Lạnh đến nay có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cấp thiết. Nghiên cứu mỗi quan hệ này sẽ làm sáng tỏ thực trạng, đặc điểm của quan hệ giữa hai quốc gia có vị trí quan trọng này cũng như những bài học rút ra đối với Việt Nam. Chính vì những lý do nêu trên, tác giả đã quyết định chọn chủ đề “*Quan hệ Trung Quốc – Indonesia từ năm 1990 đến năm 2014*” làm đề tài luận văn Thạc sĩ của mình.

Chương 1: tập trung đánh giá những yếu tố tác động tới quan hệ Trung Quốc – Indonesia giai đoạn 1990 – 2014: Tình hình thế giới, tình hình khu vực, bối cảnh trong nước của Trung Quốc và Indonesia, chính sách đối ngoại của Trung Quốc và Indonesia, từ đó làm rõ những nhân tố thuận lợi thúc đẩy quan hệ giữa hai nước cũng như những nhân tố bất lợi ảnh hưởng đến quan hệ hai nước; **Chương 2:** đi sâu phân tích quan hệ Trung Quốc – Indonesia từ năm 1990 đến 2014, trong đó lấy mốc năm 2005 hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược để phân chia quan hệ hai nước ra thành 2 giai đoạn: Từ năm 1990 đến năm 2004 và từ năm 2005 đến năm 2014. Trong mỗi giai đoạn đi sâu phân tích, tổng hợp về thành tựu của quan hệ giữa hai nước trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, an ninh – quốc phòng, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong quan hệ giữa hai nước qua từng giai đoạn; **Chương 3:** đưa ra một số đánh giá về mối quan hệ Trung Quốc – Indonesia, gồm: đặc điểm của mối quan hệ này; một số dự báo về quan hệ giữa hai nước trong mười năm tới.

11. Đề tài: Hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á dưới thời chính quyền Obama.

Học viên: Đinh Văn Tới

Môi trường chính trị an ninh thế giới và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI có những biến đổi hết sức phức tạp và khó lường. Nguy cơ về một chiến tranh thế giới tuy ít có khả năng xảy ra nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang giữa các quốc gia hoặc trong nội bộ quốc gia ngày càng gia tăng. Bên cạnh các vấn đề an ninh truyền thống, sự nổi lên của hàng loạt các vấn đề an ninh phi truyền thống là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia để giải quyết những vấn đề này. Môi trường an ninh tại Đông Nam Á trong những năm gần đây ngày càng trở nên nhạy cảm và phức tạp, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Sự hiện diện và đan xen lợi ích của hầu hết các cường quốc và thực thể lớn trên thế giới tại khu vực khiến cho cạnh tranh lợi ích giữa các nước ngày càng gay gắt, có nguy cơ bùng nổ và leo thang xung đột. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Mỹ trong thế kỷ XXI. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực như vậy, các nước ASEAN đã và đang ngày càng hợp tác quốc phòng chặt chẽ với các nước trong và ngoài khu vực, đặc biệt là hợp tác với Mỹ. Hợp tác quốc phòng giữa Mỹ với các nước ASEAN không chỉ tác động mạnh mẽ tới tình hình an ninh thế giới, khu vực Đông Nam Á mà còn có tác động lớn đối với Việt Nam. Việc nghiên cứu về hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á là rất cần thiết và quan trọng để đưa ra chính sách hợp tác quốc phòng, chiến lược và chương trình hành động phù hợp trong thời gian tới của các nước Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

Luận văn đã đi sâu nghiên cứu và phân tích các yếu tố tác động tới hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á; phân tích thực trạng hợp tác giữa Mỹ và các nước ĐNA trong lĩnh vực quốc phòng, đánh giá quá trình hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á trong hai nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, trên cơ sở đó đưa ra những dự báo triển vọng hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á trong thời gian tới.

Hợp tác quốc phòng là hình thức phát triển cao của hợp tác trong lĩnh vực chính trị - an ninh, là một trong những vấn đề nhạy cảm trong quan hệ giữa các quốc gia, nên các nghiên cứu về vấn đề chưa nhiều. Luận văn đã cung cấp những thông tin phong phú về thực trạng hợp tác quốc phòng cũng như triển vọng hợp tác quốc phòng thời gian tới giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

12. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Trung trong cấu trúc khu vực châu Á- Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Thảo Trang

Quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc ngày nay có tác động rất lớn, nếu như không nói là chi phối nền chính trị quốc tế đương đại. Những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới có những biến chuyển rõ rệt, tương quan sức mạnh và quyền lực giữa Trung Quốc và Mỹ cũng thay đổi mạnh mẽ. Dù hợp tác đan xen với cạnh tranh, kiềm chế vẫn là đặc điểm chủ đạo nhưng vai trò chủ động trong mỗi quan hệ Mỹ - Trung đã biến đổi đáng kể theo hướng có lợi cho Trung Quốc và bất lợi cho Mỹ. Quan hệ Mỹ - Trung được dự báo sẽ tiếp tục là yếu tố cơ bản thúc đẩy sự phát triển và biến đổi của cấu trúc khu vực. Đối với Việt Nam, châu Á – Thái Bình Dương là khu vực quan trọng hàng đầu. Mọi biến động về an ninh của khu vực này đều ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường an ninh và phát triển của Việt Nam. Do đó, nghiên cứu quan hệ Mỹ - Trung và tác động của mỗi quan hệ này đối với khu vực có ý nghĩa thiết thực đối với công tác đối ngoại của Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Luận văn gồm 3 chương: Chương 1: “Những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Trung Quốc từ sau năm 2001”, sẽ làm rõ hai vấn đề chính: Thứ nhất, cơ sở lý thuyết có thể áp dụng để phân tích quan hệ Mỹ - Trung. Thứ hai, các nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Trung bao gồm: các yếu tố khách quan đến từ tình hình và xu thế chung trên thế giới và các yếu tố chủ quan từ tình hình sức mạnh Mỹ và Trung Quốc; Chương 2: “Quan hệ Mỹ - Trung và tác động đến khu vực châu Á – Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI”, phân tích hệ Mỹ - Trung, trong đó nhấn mạnh sự thay đổi vai trò chủ động trong mỗi quan hệ và hai mặt hợp tác – cạnh tranh Mỹ - Trung, từ đó chỉ ra những tác động của mỗi quan hệ này tới cấu trúc khu vực châu Á – Thái bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI; Chương 3: “Dự báo quan hệ Mỹ - Trung, cấu trúc khu vực châu Á – Thái Bình Dương và tác động đối với Việt Nam trong thời gian tới” chỉ ra các kịch bản có thể xảy ra với quan hệ Mỹ - Trung và chiều hướng tác động của mỗi quan hệ này tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong những năm tới.

13. Đề tài: Công ty xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tác động tiêu cực của chúng tới nước nhận đầu tư.

Học viên: Đoàn Thị Diệu Thom

Cùng với quá trình toàn cầu hóa, các chủ thể phi quốc gia gia tăng mạnh mẽ hoạt động xuyên qua các đường biên giới quốc tế, tham gia ngày càng sâu rộng vào đời sống quan hệ quốc tế và thách thức trực tiếp vai trò của chủ thể quốc gia. Trong số đó, Công ty xuyên quốc gia được coi là chủ thể quan trọng và quyền lực nhất với sự hiện diện mang tính chi phối ở khắp nơi trên thế giới.

Ngày nay, hoạt động của các Công ty xuyên quốc gia trên khắp thế giới đã cho thấy, họ không đơn thuần hoạt động trong lĩnh vực kinh tế mà đang tham gia ngày càng sâu trong lĩnh vực chính trị nhằm dọn đường cho quá trình đi đến lợi nhuận tối đa. Khi Công ty xuyên quốc gia đã được chính thức công nhận là một chủ thể của luật quốc tế bên cạnh chủ thể quốc gia thì đã đến lúc, các chính phủ buộc phải có những đánh giá thực tế hơn về vai trò hiển nhiên của những tập đoàn kinh tế này cũng như tác động to lớn của họ lên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và một số khía cạnh nổi bật thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội của một quốc gia. Trong mối quan hệ giữa quốc gia và Công ty xuyên quốc gia, xung đột xảy ra vì không phải lúc nào cũng có sự hòa hợp lợi ích giữa hai bên.

Đề tài: **“Công ty xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tác động tiêu cực của chúng tới nước nhận đầu tư”** tập trung phân tích những tác động tiêu cực của Công ty xuyên quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và một số khía cạnh chính thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội của nước nhận đầu tư, từ đó cho thấy rõ thách thức đối với khả năng kiểm soát và quyền tự chủ của quốc gia. Đồng thời, luận văn cũng liên hệ, trình bày thực trạng Công ty xuyên quốc gia hoạt động tại Việt Nam. Qua những nghiên cứu, đánh giá trên, tác giả cũng xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị giải pháp cho Việt Nam nhằm đảm bảo khả năng kiểm soát hoạt động của các Công ty xuyên quốc gia và củng cố quyền tự chủ quốc gia trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

14. Đề tài: Hoạt động thông tin đối ngoại của Trung Quốc và Việt Nam về vấn đề Biển Đông trong giai đoạn 2007 – 2012

Học viên: Nguyễn Hồng Hạnh

Biển Đông đã và đang trở thành đề tài nóng bỏng không chỉ trong khu vực mà còn trên phạm vi thế giới, thu hút sự chú ý của giới truyền thông quốc tế và sự can dự của các nước lớn có lợi ích liên quan như Mỹ, Australia... Đặc biệt, tranh chấp trên Biển Đông đã trở thành nút thắt trong mối quan hệ Việt – Trung trong đó, giai đoạn 2007 -2012 là giai đoạn căng thẳng leo thang nhất giữa hai quốc gia kể từ sau sự kiện Gạc Ma năm 1988 và sau khi Trung Quốc và Việt Nam bình thường hóa quan hệ năm 1991. Trong giai đoạn này diễn ra nhiều sự kiện nghiêm trọng và cũng là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại của từng quốc gia.

Trong bối cảnh đó, sự lựa chọn chính sách thông tin đối ngoại của Trung Quốc và Việt Nam đã tác động đáng kể đến tiến trình giải quyết tranh chấp giữa hai quốc gia. Việt Nam lựa chọn một chính sách tương đối mềm dẻo, ôn hòa và kiềm chế nhằm duy trì ổn định chính trị, xã hội để phát triển kinh tế đất nước và tránh gây tổn hại đến các lĩnh vực khác trong mối quan hệ với Trung Quốc. Ngược lại, phía Trung Quốc lựa chọn chính sách nói mạnh, nói nhiều, nói liên tục và không ngần ngại xuyên tạc các vấn đề về Biển Đông và vụ không nước có cùng tranh chấp trong khu vực, đặc biệt là Việt Nam, quốc gia mà họ coi là đối thủ nguy hiểm nhất trong tranh chấp Biển Đông. Cả hai sự lựa chọn chính sách này đều bắt nguồn từ một thực tế là thực lực kinh tế, quân sự và vị thế chính trị của Trung Quốc áp đảo Việt Nam. Đồng thời, chính sự lựa chọn này đã dẫn đến thực trạng thông tin đối ngoại bất đối xứng giữa Trung Quốc và Việt Nam, và nếu xét riêng Việt Nam thì có sự bất đối xứng giữa luồng thông tin hạn chế trong nước và thông tin tương đối hiệu quả ra ngoài nước.

Trên cơ sở phân tích và so sánh hiệu quả tuyên truyền đối ngoại của Việt Nam và Trung Quốc trong tiến trình giải quyết tranh chấp trên Biển Đông, tác giả đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại của Việt Nam về vấn đề Biển Đông trong giai đoạn tiếp theo, trong đó nhấn mạnh đến việc phải xây dựng được một cơ chế trao đổi thông tin cấp cao mang tính ràng buộc giữa Việt Nam và Trung Quốc nhằm hạn chế việc Trung Quốc tự do đưa ra các thông tin xuyên tạc về tình hình Biển Đông; đồng thời cần liên kết chặt chẽ hơn với các hãng truyền thông nước ngoài nhằm tận dụng công nghệ tối tân và mạng lưới truyền thông quốc tế của họ để tăng cường hiệu quả và phạm vi tuyên truyền đối ngoại của Việt Nam.

15. Đề tài: “Cạnh tranh Mỹ - Trung ở Biển Đông từ năm 2008 đến nay”

Học viên: Nguyễn Tiến Thịnh

Quan hệ Mỹ - Trung luôn là chủ đề thu hút được sự quan tâm trong nghiên cứu quan hệ quốc tế kể từ thời kỳ Chiến tranh lạnh cho đến nay, có thể nói rằng bất cứ sự “chuyển dịch” nào trong mối quan hệ này đều gây ra những tác động lớn đến các mối quan hệ quốc tế khác trong hệ thống quan hệ quốc tế hiện nay. Kể từ năm 2008 đến 2015, khoảng thời gian mà sức mạnh và tầm ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới suy giảm tương đối trong khi sức mạnh của Trung Quốc đặc biệt là về kinh tế và sự tăng cường mở rộng phạm vi sức mạnh quân sự, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đã chứng kiến những “va chạm” ngày càng gia tăng, đã có lúc lên chạm tới ngưỡng báo động xung đột vũ trang giữa hai cường quốc, chủ yếu xuất hiện trong các vấn đề trên biển. Những căng thẳng trên lan ra hầu hết các lĩnh vực quan trọng trong đời sống quan hệ quốc tế như là Kinh tế, An ninh và Chính trị.

Những phân tích đánh giá trong bài luận văn này đã chỉ ra rằng khu vực Biển Đông là “sân khấu” chính của những cuộc “va chạm” giữa Mỹ và Trung Quốc. Kể từ năm 2008 đến 2015, Trung Quốc, với những điều chỉnh chính sách sang hướng chủ động và quyết đoán hơn đặc biệt là trong các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông đã gây ra những thách thức lớn đối với không chỉ các quốc gia cùng có tranh chấp mà còn đối với cả Mỹ, buộc Mỹ phải điều chỉnh chính sách can dự sâu hơn nhằm ngăn chặn những đe dọa gây xáo trộn trật tự ở khu vực vốn đã tồn tại tương đối ổn định kể từ sau Chiến tranh lạnh cho đến nay.

Việc nghiên cứu cạnh tranh giữa Mỹ - Trung Quốc ở Biển Đông sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn về mục tiêu, chính sách cũng như các bước đi chiến lược và nhận định được chiều hướng của quan hệ Mỹ - Trung, đồng thời làm rõ nét sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa hai nước đặt bối cảnh chung ở khu vực này. Trên cơ sở đó, luận văn **“Cạnh tranh Mỹ - Trung ở Biển Đông từ năm 2008 đến nay”** sẽ tập trung nghiên cứu và phân tích những nguyên nhân bên trong và bên ngoài tác động đến việc điều chỉnh/định hình chính sách của Mỹ và Trung Quốc ở khu vực từ năm 2008 đến 2015, đồng thời tìm hiểu và làm rõ những mảng cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Biển Đông. Luận văn này cũng sẽ phân tích và đánh giá các tác động do sự cạnh tranh giữa cặp quan hệ này tới khu vực và Việt Nam, nhằm đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam đối với các đối tác và thể chế quan trọng ở khu vực như Mỹ, Trung Quốc, và ASEAN.

16. Đề tài: Vai trò của các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước ASEAN từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

Học viên: Bùi Văn Thành

Các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) luôn là một nguồn lực quan trọng giúp người dân và các quốc gia trên thế giới cải thiện điều kiện kinh tế xã hội, giảm nhẹ hậu quả của thiên tai, chiến tranh để phát triển bền vững. Thông qua triển khai dự án, các INGO tăng cường sự hiện diện tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có các nước ASEAN. Nhận thức được tầm quan trọng của các INGO, Chính phủ Mỹ luôn coi đây là một kênh hữu ích để viện trợ các quốc gia nhằm đảm bảo sự công bằng xã hội, giảm bớt chênh lệch giàu nghèo, hỗ trợ người dân ở khu vực hứng chịu những thảm họa của thiên nhiên... Tuy nhiên, Chính quyền Mỹ cũng khéo léo sử dụng các INGO phục vụ chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các quốc gia ASEAN, đặc biệt là từ sau Chiến tranh lạnh đến nay.

Luận văn nhằm làm rõ thực chất mối quan hệ giữa hoạt động của các INGO và việc triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực ASEAN. Qua đó, đánh giá những tác động của INGO đối với Việt Nam, dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai và đưa ra đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác với các INGO hoạt động tại Việt Nam.

Có thể nói, việc triển khai các dự án của các tổ chức phi chính phủ quốc tế luôn có những điểm “song hành” đối với chính sách của Mỹ đối với khu vực ASEAN. Các quốc gia trong ASEAN, trong đó có Việt Nam đều cần sự hỗ trợ và giúp đỡ của các INGO. Trước những thực tế đó, để nâng cao hiệu quả của công tác đối với các INGO, Việt Nam cần xác định đúng đắn những yếu tố thuận lợi, tích cực trong mối quan hệ giữa Việt Nam, INGO, chính sách của Mỹ và nắm rõ những “nguy cơ”, ảnh hưởng tiêu cực mà các INGO này gây ra từ đó từng bước hoàn thiện Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường phối hợp giữa các Bộ, Ban ngành hữu quan nhằm hạn chế tối đa những kẽ hở để các tổ chức này hoạt động gây ra những vấn đề phức tạp với Việt Nam.

17. Đề tài: Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến Đông Nam Á nửa đầu thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI

Học viên: Trịnh Văn Dũng

Từ nay đến năm 2020, Cục diện khu vực ĐNA biến chuyển theo hướng nào phụ thuộc vào nhiều biến số, song yếu tố tác động quan trọng nhất là cạnh tranh và hợp tác Mỹ - Trung. Mỹ và Trung Quốc vốn có lịch sử quan hệ rất phức tạp, có những lúc là kẻ thù của nhau, nhưng có những lúc bắt tay nhau cùng hợp tác, từng phối hợp với nhau trong nhiều vấn đề quốc tế, quan trọng trong đó có nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam. Hiện nay, hai nước đang đẩy mạnh điều chỉnh chiến lược nhằm cạnh tranh địa vị “*siêu cường duy nhất*” trên thế giới và quan hệ giữa hai nước – một bên là nước phát triển lớn nhất (Mỹ) và một bên là nước đang phát triển lớn nhất (Trung Quốc) được coi là mối quan hệ “*trung tâm*” của các mối quan hệ quốc tế trong thế kỷ 21. ĐNA là nơi Mỹ và Trung Quốc có nhiều lợi ích cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ của quan hệ Mỹ - Trung. Đặc biệt, Mỹ và Trung Quốc đều là những đối tác quan trọng của Việt Nam.

Hiện tại và trong tương lai, TQ và Mỹ vẫn là hai nước có ảnh hưởng lớn nhất, trực tiếp nhất đến tiến trình phát triển của Việt Nam. Do vậy, chúng ta cần hết sức linh hoạt trong việc hoạch định và thực hiện chiến lược đối ngoại nói chung, chiến lược quan hệ với từng nước nói riêng nhằm tận dụng tối đa những điểm tương đồng, hạn chế những mặt bất đồng, góp phần mang lại lợi ích thiết thực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải thực hiện chính sách “*cân bằng linh hoạt*” trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc.

Luận văn với đề tài: “**Tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến Đông Nam Á nửa đầu thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI**” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết. Quan hệ Mỹ - Trung và tác động ĐNA là những nội dung cốt lõi trong quan hệ quốc tế ở khu vực. Đánh giá đúng tác động của quan hệ Mỹ - Trung đối với khu vực ĐNA sẽ là những căn cứ khoa học quan trọng để hoạch định chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với cả Mỹ và Trung Quốc cũng như đối với khu vực. Luận văn đã tập trung trên cơ sở làm rõ được bản chất mối quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc cũng như vị trí của khu vực ĐNA trong chính sách của Mỹ với Trung Quốc và của Trung Quốc với Mỹ; phân tích làm rõ thực trạng tác động của quan hệ này đến khu vực ĐNA trên các lĩnh vực: Chính trị - đối ngoại, an ninh – quân sự và kinh tế - thương mại trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015, từ đó dự báo triển vọng tác động của quan hệ Mỹ - Trung và đề xuất một số giải pháp xử lý những tác động của quan hệ Mỹ - Trung đến nước ta trong thời gian tới.

18. Đề tài: Ấn Độ trong chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của Mỹ dưới thời Tổng thống B.Obama

Học viện: Trần Như Bắc

Với đặc điểm địa lý, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và tiềm năng phát triển to lớn, khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã thay thế khu vực châu Âu-Đại Tây Dương trở thành trọng tâm địa chính trị toàn cầu trong thế kỷ XXI. Sức hút của khu vực lan tỏa tới hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới. Mỹ hiện vẫn đang nắm giữ vị trí siêu cường, đã có những điều chỉnh lớn trong chính sách đối với khu vực rộng lớn này. Năm 2010, tổng thống Obama tuyên bố Mỹ sẽ thực hiện một chính sách “tái cân bằng châu Á” và sau đó đã có những động thái chứng tỏ Mỹ đang “xoay trục” về châu Á. Ấn Độ là một nước lớn tại châu Á-Thái Bình Dương có những yếu tố quan trọng trong việc trở thành một đối tác hàng đầu mang lại lợi ích cho Mỹ trên hầu hết khía cạnh chính trị-ngoại giao, kinh tế, cũng như an ninh quốc phòng. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Ấn Độ trong thời gian qua được đánh giá rất cao. Điều này đã làm gia tăng tầm quan trọng của Ấn Độ trong nhìn nhận chính sách của chính quyền Tổng thống Mỹ Barack Obama.

Luận văn với đề tài “**Ấn Độ trong chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của Mỹ dưới thời Tổng thống B.Obama**” tập trung nghiên cứu những nền tảng kinh tế-chính trị-an ninh của nước Cộng hòa Ấn Độ và vị trí địa-chiến lược của đất nước này trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương để rút ra được tầm quan trọng của quốc gia này đối với kế hoạch triển khai chính sách “Tái cân bằng” của chính quyền Tổng thống Mỹ Barack Obama. Và trên cơ sở nghiên cứu tác động từ chính sách “Tái cân bằng” của Mỹ đối với Ấn Độ, luận văn cũng chỉ ra được mối tương quan trong tác động của chính sách này đối với Việt Nam, từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm trong việc tận dụng thời cơ và đối phó với những thách thức có thể xảy ra khi Mỹ “Tái cân bằng châu Á”.

19.Đề tài: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN từ năm 2003 – 2015

Học viên: Lakhone Vongsoulith

Thế giới đang vận động và biến đổi không ngừng cả về tư duy chính trị, lẫn hiện thực kinh tế và xã hội. Là một tổ chức khu vực năng động nhất thế giới, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN sau hơn 48 năm phát triển thăng trầm đang đứng trước ngưỡng cửa của một sự chuyển hóa mạnh mẽ về chất. Cộng đồng ASEAN (AC) với ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội (ASCC) đang trên con đường hình thành và dự kiến sẽ chính thức ra đời vào cuối năm 2015. CHDCND Lào với quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN là một quá trình phức tạp, chịu tác động nhiều chiều cả từ các vấn đề nội tại lẫn những nhân tố khách quan từ bên ngoài. CHDCND Lào đã và đang tham gia tích cực vào tiến trình này với cả những thời cơ và thách thức. Xác định vai trò to lớn của hội nhập khu vực đối với sự phát triển của đất nước, CHDCND Lào đã có những dự kiến cho bước đi tiếp theo sau khi Cộng đồng ASEAN được hình thành sau năm 2015. Những định hướng này là dựa trên sự phân tích thời cơ và thách thức khi tham gia vào Cộng đồng ASEAN.

Ngoài phần mở đầu, nội dung, tiểu kết, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo. Luận văn này được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào. Khái quát về cơ sở tham gia của Lào trong quá trình hình thành Cộng đồng ASEAN bao gồm cả tình hình kinh tế - xã hội nước CHDCND Lào, chính sách hội nhập và chính sách xây dựng Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào, Bên cạnh đó, cũng nêu ra tình hình bối cảnh thế giới, khu vực, lịch sử hình thành và phát triển của Tổ chức ASEAN, những yếu tố thúc đẩy quá trình hình thành Cộng đồng ASEAN. Đây là những cơ sở để CHDCND Lào tiến hành xây dựng Cộng đồng ASEAN cùng với các nước thành viên.

Chương 2: Tiến trình tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào từ năm 2003 - 2015. Chương 2 tác giả sẽ tập trung phân tích về những cơ hội và thách thức đối với CHDCND Lào trong quá trình tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN từ khi ASEAN có định hướng xây dựng từ năm 2003 cho đến nay, Bên cạnh đó, cũng nêu ra được những đóng góp to lớn của Lào với ASEAN trong tiến trình tham gia xây dựng. Ngoài ra, chương này cũng nêu ra công việc triển khai kế hoạch xây dựng 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN tại Lào.

Chương 3: Định hướng tham gia Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào sau năm 2015 và triển vọng quan hệ Lào – ASEAN. Chương 3 nêu ra định hướng tham gia Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào sau năm 2015 dựa trên cơ sở phân tích những thời cơ và thách thức đặt ra trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN của CHDCND Lào. Bên cạnh đó, chương 3 của luận văn cũng nêu ra những kịch bản triển vọng về quan hệ Lào – ASEAN để từ đó rút ra được những bài học và gợi ý chính sách đối với CHDCND Lào.

20. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Syria hiện nay

Học viên: Nguyễn Bích Hạnh

Syria là một trong những nhân tố chính và có mối liên hệ tới sự ổn định của khu vực Trung Đông. Bởi vậy, quan hệ Mỹ - Syria có vai trò quan trọng nhất định trong việc đạt được mục tiêu hòa bình, ổn định cho khu vực này. Tuy nhiên, 4 năm sau ngày 14/3/2011, khi phong trào chống đối chính phủ bắt đầu bùng nổ, đất nước Syria vẫn chìm trong máu và lửa. Chiến tranh đã làm nhiều người thiệt mạng, trong khi các cuộc không kích do Mỹ tiến hành không đẩy lùi được các chiến binh thánh chiến của Nhà nước Hồi giáo (IS) đang ngày một mở rộng lãnh thổ tại Syria, Iraq và Lybia.

Hiện nay, chính quyền của Tổng thống Syria Bashar al-Assad tập trung chủ yếu ở phía tây Syria trên khoảng 1/3 diện tích đất nước, lực lượng chính phủ cũng suy yếu đáng kể, nhưng với sự hậu thuẫn của Nga và đặc biệt của Iran, chính quyền của ông Assad có vẻ như không bị đe dọa trong “vùng sống sót”. Trong khi đó, thiết lập một cách vũng chãi ở phía Bắc và Đông Syria, IS đã bị chặn lại do các vụ không kích của Mỹ, nhưng các tiền đồn của chúng vẫn không bị đẩy lùi. Ở miền Nam, Mặt trận hồi giáo cực đoan al-Nusra, chi nhánh tổ chức khủng bố Al-Qaeda tại Syria tiếp tục duy trì, trong khi lực lượng người Kurd đã củng cố các vị trí chiếm được tại Tây Bắc nước này.

Khủng hoảng về nhân đạo và an ninh ở Syria dường như đang vượt ra ngoài tầm giải quyết của bất kỳ một nước lớn nào, kể cả Mỹ. Số lượng lớn người tị nạn Syria, sự mạnh lên của các nhóm vũ trang cực đoan ở Syria và sự can dự của Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, và các chính phủ Ả rập Hồi giáo Sunni vào cuộc nội chiến ở Syria đang ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh khu vực ở Trung Đông. Trong bối cảnh này, Quốc hội Mỹ cũng đang đối mặt với một số lựa chọn về việc viện trợ, liên quan đến cuộc khủng hoảng ở Syria và tác động của chúng đối với khu vực này trong nhiều năm tới.

Tại sao quan hệ Mỹ và Syria thất bại? Việc nhìn lại các sự kiện chính trong mối quan hệ Mỹ-Syria và đặc biệt là chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Syria trong giai đoạn 2009 đến nay, ta có thể hiểu được phần nào.

Trong khuôn khổ quan hệ song phương, Mỹ và Syria đã dần rơi vào thế đối đầu và sự thù địch cuối cùng đã dẫn đến quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao chính thức. Hiện tại, trong khi một số người coi Syria là nhà nước “cứng đầu”, thì một số khác lại coi Syria là biểu tượng hiểm hoi của sự thách thức bá quyền Mỹ và kháng cự trước toàn cầu hóa.

Tình hình Trung Đông, cũng như chính sách của Mỹ với khu vực và Syria hiện nay là khá phức tạp, việc lý giải những vấn đề trên đây là cần thiết được đề cập trong luận văn ***“Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Syria hiện nay”***.

21. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Nga trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Barack Obama

Học viên: Nguyễn Hoàng Tuấn

Quan hệ Mỹ - Nga là một trong những cặp quan hệ quốc tế quan trọng nhất trên thế giới, đồng thời cũng là cặp quan hệ trắc trở, phức tạp và khó đoán định nhất với những nét đặc thù lịch sử. Không chỉ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, hiện nay quan hệ Mỹ - Nga, bất luận những biến thiên của thời gian, vẫn là cặp quan hệ chủ chốt, đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống các quan hệ quốc tế, gây tác động lớn đến cục diện thế giới, đến đời sống chính trị và an ninh toàn cầu. Cụ thể, sau thời gian “ấm áp” ngắn ngủi với chủ trương “cài đặt lại” quan hệ giữa hai nước được Tổng thống Mỹ Barack Obama triển khai vào nhiệm kỳ đầu tiên thì hiện nay quan hệ giữa Mỹ và Nga trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Obama đang diễn biến rất phức tạp, phản ánh rõ nét và điển hình nhất thực trạng quan hệ giữa các nước lớn trong thế giới hiện đại ngày nay. Vì vậy, việc nghiên cứu làm rõ thực trạng quan hệ giữa hai nước lớn Mỹ và Nga thực sự hữu ích và cần thiết đối với tất cả các nước lớn nhỏ. Hơn nữa, việc nghiên cứu này không chỉ nhằm xác định diện mạo của một mối quan hệ cụ thể giữa hai nước lớn, mà còn góp phần làm sáng tỏ hơn về vấn đề lý luận đặt ra trong quan hệ giữa các nước lớn và giữa các nước lớn đối với các nước nhỏ nói chung trong thời kỳ trật tự thế giới mới đang dần định hình.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài **“Quan hệ Mỹ - Nga trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống Barack Obama”** làm luận văn thạc sỹ của mình. Việc nghiên cứu, phân tích khách quan về cặp quan hệ Mỹ - Nga không chỉ mang tính thời sự, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt – Mỹ và Việt – Nga, mà còn cung cấp những luận cứ khoa học góp phần đưa đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và phương châm đối ngoại cân bằng trong quan hệ với các nước lớn vào thực tiễn hoạt động đối ngoại cho sát đúng với từng nước lớn cụ thể.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng đưa ra phân tích quan hệ Mỹ - Nga sau khi Tổng thống Mỹ Obama mãn nhiệm (2016), từ đó đưa ra dự báo về triển vọng quan hệ giữa hai nước dựa trên những phân tích và các vấn đề được nêu trong nội dung luận văn; đồng thời cung cấp dự đoán về thay đổi trong chính sách đối ngoại của hai nước trong tương lai.

22. Đề tài: Điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia của Nhật Bản trong nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe

Học viên: Phạm Quốc Bình

Kể từ khi Thủ tướng Shizo Abe nhậm chức lần II (12/2012), nước Nhật đối mặt với rất nhiều thách thức về an ninh như: sự trỗi dậy Trung Quốc trực tiếp đe dọa vị thế của Nhật Bản, quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc trở nên đặc biệt căng thẳng do tranh chấp chủ quyền quần đảo Senkaku/Điếu Ngư; vấn đề cạnh tranh vũ trang giữa các nước khu vực; việc Mỹ khuyến khích Nhật Bản đóng vai trò tích cực hơn nữa đối với quốc tế; nhu cầu phát triển của chính bản thân Nhật Bản đòi hỏi nước này phải có sự thay đổi tất yếu. Tất cả các thách thức này đã buộc nước Nhật không thể không điều chỉnh chiến lược an ninh để phù hợp với xu thế phát triển mới của thời đại.

Việt Nam và Nhật Bản đã nâng cấp quan hệ trở thành Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á (2014). Việc điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia giúp Nhật Bản tăng cường hợp tác với nhiều nước, trong đó có Việt Nam; góp phần tăng cường an ninh, tạo điều kiện cho sự phát triển hòa bình và ổn định cho Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu những điều chỉnh chiến lược an ninh của Nhật Bản trong tình hình hiện nay có ý nghĩa cấp thiết đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam trong tình hình mới; tăng cường quan hệ hợp tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản; góp phần xây dựng xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

Luận văn với đề tài: “**Điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia của Nhật Bản trong nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe**” đã tập trung nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia của Nhật Bản trong nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe: phân tích đánh giá những nguyên nhân hình thành, nội dung điều chỉnh, cũng như các tác động của chiến lược an ninh quốc gia mới của Nhật Bản đối với môi trường an ninh chung của khu vực và đối với quan hệ giữa Nhật Bản với một số quốc gia tiêu biểu trong đó có Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả mong muốn đưa đến cho người đọc cái nhìn toàn diện về sự điều chỉnh chiến lược an ninh quốc gia của Nhật Bản trong nhiệm kỳ II của Thủ tướng Shinzo Abe, lấy đó làm cơ sở nghiên cứu phương hướng và biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác hợp tác giữa Việt Nam với Nhật Bản trong thời gian tới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực, tương xứng với tiềm năng của hai nước.

23. Đề tài: Tác động của nhân tố Trung Quốc tới quan hệ kinh tế đối ngoại Lào – Việt Nam từ năm 1986 - 2013

Học viên: Sisavanh KEOMANICHEN

Lào và Việt Nam có mối quan hệ truyền thống lâu đời. Trong khi đó mối quan hệ giữa Lào và Trung Quốc trong thời gian gần đây cũng có những bước tiến tích cực. Và việc đánh giá tác động của nhân tố Trung Quốc tới mối quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Việt Nam và Lào sẽ là một đề tài mới mẻ. Giúp bạn đọc có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về các mối quan hệ giữa các nước. Vì vậy cá nhân tôi đã quyết định chọn đề tài “*Tác động của nhân tố Trung Quốc tới quan hệ kinh tế đối ngoại Lào-Việt Nam từ năm 1986-2013*” làm đề tài luận văn cao học của mình. Tôi hy vọng công trình nghiên cứu này của tôi sẽ là một đóng góp nhỏ cho hệ thống tư liệu quốc gia Lào nói riêng, và các quốc gia khác nói chung. Luận văn được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Khái quát về quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào-Việt Nam và Lào-Trung Quốc. Trong phần này tác giả sẽ trình bày khái quát quốc gia Lào với các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa xã hội của Lào. Sau đó tác giả sẽ tập chung phân tích mối quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào với Việt Nam, và mối quan hệ giữa Lào và Trung Quốc.

Chương 2: Tác động của nhân tố Trung Quốc tới quan hệ kinh tế đối ngoại Lào-Việt. Trong chương 2, tác giả sẽ trình bày sơ lược về bối cảnh quốc tế và khu vực có tác động tới mối quan hệ giữa các quốc gia. Và để giúp bạn đọc có cái nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa Lào, Việt Nam, Trung Quốc, tác giả đã có những so sánh thú vị giữa quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào-Việt Nam, và Lào- Trung Quốc. Trên cơ sở nền tảng trên, tác động của Trung Quốc tới mối quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào-Việt Nam sẽ được trình bày chi tiết ở cuối chương 2.

Chương 3: Triển vọng quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào với Việt Nam và Trung Quốc. Trước sự tác động của Trung quốc tới mối quan hệ kinh tế đối ngoại giữa Lào-Việt Nam được trình bày trên, tác giả sẽ đưa ra một số các đánh giá và một số kịch bản cho mối quan hệ này ở chương 3.

24. Đề tài: “Sức mạnh mềm của Hàn Quốc, kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam”

Học viên: Nguyễn Đức Thắng

Trong những thập kỷ trở lại đây, thế giới đã chứng kiến rất nhiều thay đổi trong đời sống quan hệ quốc tế, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ tác động đến mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, với xu thế chung là hòa bình, ổn định, hợp tác, chạy đua phát triển kinh tế ngày càng nổi trội, dẫn đến sự phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Chính vì vậy vai trò của sức mạnh cứng trước đây đã không còn giữ vị trí độc tôn trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay, mà thay vào đó là vai trò ngày càng cao của sức mạnh mềm, trong việc giải quyết các vấn đề như: đảm bảo an ninh quốc phòng, ổn định phát triển kinh tế, nâng cao vị thế, ảnh hưởng của mình trên khu vực và thế giới, giúp tránh được các mẫu thuẫn phát sinh kể cả xung đột.

Hàn Quốc là một trong những đất nước từ rất sớm đã nhận thức rõ vai trò của sức mạnh mềm, trải qua vài thập niên đã thu được những lợi ích to lớn, đóng góp không nhỏ cho sự thành công ngày hôm nay. Hiện nay Hàn Quốc được coi là một trong những cường quốc về sức mạnh mềm, với nền công nghiệp văn hóa tầm cỡ thế giới và được nhiều quốc gia ngưỡng mộ, học tập.

Luận văn với đề tài: **“Sức mạnh mềm của Hàn Quốc, kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam”** đã tập trung nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển, với các nhân tố chính tạo nên sự thành công của sức mạnh mềm của Hàn Quốc. Với nền tảng chính là nền công nghiệp văn hóa bên cạnh một số chính sách và chiến lược quan trọng khác, đã tạo sức lan tỏa mạnh mẽ ra toàn cầu, đem những lợi ích vô cùng to lớn về mọi mặt, cả về chính trị - kinh tế lẫn văn hóa giáo dục vv... So với Hàn Quốc hiện nay sức mạnh mềm của Việt Nam còn khá non trẻ, ngoại giao văn hóa đang được coi là sức mạnh mềm và có vai trò đang ngày càng được nâng cao đối với nền ngoại giao toàn diện nói riêng cũng như đối với mục tiêu và nhiệm vụ phát triển đất nước nói chung. Dựa trên những bài học kinh nghiệm qua quá trình nghiên cứu về sức mạnh mềm của Hàn Quốc, và những điều kiện thuận lợi trong quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt- Hàn, Việt Nam với những tiềm năng sức mạnh mềm vốn có của riêng mình, hoàn toàn có thể áp dụng các kinh nghiệm từ Hàn Quốc một cách phù hợp và hiệu quả, nhằm phát triển và tăng cường sức mạnh mềm, cùng phục vụ cho mục tiêu chung “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” mà Đại hội Đảng XI đã đề ra.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị cụ thể đối với vấn đề phát triển và nâng cao sức mạnh mềm của Việt Nam, nêu rõ định hướng và chiến lược, trong số đó đặc biệt nhấn mạnh đến chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa như một lĩnh vực mũi nhọn chính trong việc khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng vốn có về sức mạnh mềm, phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước.

25. Đề tài: Vai trò của nhân tố kinh tế trong quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI

Học viên: Trịnh Quốc Tuy

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ liên tục phát triển trên nhiều lĩnh vực, với đỉnh cao là hai bên đã đạt được thỏa thuận Đối tác toàn diện. Thành tựu này do nhiều nhân tố tích cực xuất phát từ bối cảnh thế giới, khu vực, động lực, nhu cầu từ bên trong Hoa Kỳ và Việt Nam thúc đẩy. Tuy nhiên, quan hệ hai nước vẫn còn những lực cản có thể ảnh hưởng không nhỏ tới quan hệ hai nước trong thời gian tới, do đó cần thiết nghiên cứu để đưa ra đánh giá, giải pháp nhằm thúc đẩy nhân tố tích cực, hạn chế “lực cản” để quan hệ hai nước tiếp tục phát triển, đem lại lợi ích nhiều mặt cho Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu cả lý luận về quan hệ quốc tế và thực tiễn quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, cho thấy nhân tố kinh tế có vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế nói chung, cụ thể mỗi quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ nói riêng, cả vai trò tích cực và vai trò tiêu cực, tuy nhiên vai trò tích cực có phần “áp đảo” hơn, tạo tiền đề cho việc nghiên cứu vận dụng vai trò nhân tố kinh tế trong thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ thời gian tới.

Trên cơ sở đó, Luận văn đã nghiên cứu, đánh giá và dự báo triển vọng thuận lợi và khó khăn cho việc Việt Nam vận dụng vai trò của nhân tố kinh tế nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ thời gian tới, trong đó thuận lợi đáng kể là Việt Nam và Hoa Kỳ có lợi ích trên biển Đông, trong điều kiện Hoa Kỳ triển khai chiến lược “tái cân bằng” tại Châu Á-Thái Bình Dương. Ngoài ra, các thuận lợi khác như các thỏa thuận, hiệp định hai bên đã có và đang thúc đẩy sẽ làm sâu sắc quan hệ kinh tế giữa hai nước, thúc đẩy quan hệ chính trị, an ninh, quốc phòng, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, giải quyết hậu quả sau chiến tranh... Những khó khăn cho Việt Nam đáng chú ý là ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam trong vận dụng nhân tố kinh tế trong thúc đẩy quan hệ với Hoa Kỳ thời gian tới...

26. Đề tài: Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga từ năm 2001 đến năm 2015

Học viên: Đào Thu Hiền

Quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga ngày nay là sự tiếp nối và kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam- Liên Xô trước đây. Năm 2001 hai nước ký “Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác chiến lược” và đến năm 2012 phát triển thành “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện”. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga luôn chịu sự chi phối, tác động mạnh mẽ của bối cảnh thế giới và khu vực đầy biến động, sự hình thành trật tự thế giới mới, cuộc cách mạng khoa học- công nghệ, xu thế toàn cầu hóa, vấn đề độc lập dân tộc, các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột do mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, những vấn đề toàn cầu hết sức bức thiết như tình trạng ô nhiễm môi trường, tội phạm quốc tế, bệnh dịch hiểm nghèo...Đứng trước những vận hội và thách thức mới đan xen, với quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo hai nước Việt Nam và Liên bang Nga và sự gần gũi trong lập trường, quan điểm về nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga ngày càng phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu với những thành tựu khích lệ trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, đối ngoại, an ninh đến văn hoá, giáo dục, khoa học - kỹ thuật..., đáp ứng lợi ích thiết thực của mỗi nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nhưng do tác động từ tình hình mỗi nước và từ môi trường quốc tế cũng như khu vực hiện nay, hợp tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga cũng đang đứng trước những khó khăn không nhỏ. Đặc biệt, quan hệ hai nước Việt Nam - Liên bang Nga chưa thực sự ngang tầm đối tác chiến lược, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai nước. Thời gian qua, hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga chỉ mới phát huy được tác dụng trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao và phần nào trong một số lĩnh vực hợp tác khác. Hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư - một trong những thước đo quan trọng nhất của mọi mối quan hệ giữa các quốc gia, vẫn còn ở mức thấp, các khả năng và tiềm năng hợp tác của cả hai bên chưa được phát huy, sử dụng có hiệu quả.

Luận văn với đề tài: **“Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga từ năm 2001 đến năm 2015”** đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga, đồng thời nêu lên thực trạng trong quan hệ hai nước, phân tích đánh giá những kết quả đạt được, những thuận lợi và khó khăn, lợi ích của hai nước trong quá trình hợp tác kể từ khi hai nước ký quan hệ đối tác chiến lược năm 2001 đến nay. Trên cơ sở đó, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra dự báo, chiều hướng, kịch bản quan hệ hai nước đến năm 2020, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm khắc phục những khó khăn trở ngại hiện tồn tại, với mục đích đưa quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga phát triển đi vào chiều sâu thực chất, tương xứng với tầm vóc cần có của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện cũng như truyền thống tốt đẹp vốn có của mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

27. Đề tài: Biển Đông trong chiến lược tái cân bằng của chính quyền Obama

Học viên: Nguyễn Diệu Linh

Trong bối cảnh quốc tế thay đổi sâu sắc, việc cùng lúc phải đương đầu với nhiều thử thách lớn cả trong và ngoài nước, trên nhiều phương diện về chính trị, an ninh, kinh tế, quân sự đã đặt ra nhu cầu Mỹ cần có chiến lược mới nhằm khôi phục vị trí, duy trì và đảm bảo lợi ích của Mỹ. Do vậy, ngay sau khi bắt đầu nhiệm kỳ năm 2009, chính quyền Mỹ Obama đã đưa ra chiến lược tái cân bằng tại Châu Á – Thái Bình Dương, nhằm tập trung mọi nguồn lực, triển khai nhiều bước đi quan trọng, toàn diện về chính trị, an ninh và kinh tế tại đây - nơi tập trung nhiều nước lớn vừa là bạn vừa là “đối thủ” của Mỹ. Khi thực hiện chiến lược xoay trục về Châu Á, một trong các thách thức lớn của khu vực mà Mỹ phải đối mặt trong quan hệ với nhiều nước, đặc biệt là với Trung Quốc là vấn đề Biển Đông.

Vấn đề Biển Đông lúc này đang nổi lên không chỉ như một vấn đề an ninh khu vực cấp thiết mà còn là một vấn đề quốc tế thu hút sự quan tâm, chú ý của nhiều nước. Các tranh chấp khu vực quanh Biển Đông phức tạp và ngày một căng thẳng, trên nhiều phương diện về chủ quyền, tài nguyên, an ninh, kinh tế, cạnh tranh ảnh hưởng liên quan trực tiếp đến không chỉ nhiều bên như Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei, Đài Loan mà còn ảnh hưởng đến nhiều nước ASEAN khác và Mỹ, Nhật Bản, Úc, Ấn Độ vv...

Để có cái nhìn khái quát và đầy đủ về tác động qua lại giữa chiến lược tái cân bằng của Mỹ và vấn đề Biển Đông và hệ lụy của chiến lược tái cân bằng sẽ mang lại, luận văn với đề tài **“Biển Đông trong chiến lược tái cân bằng của chính quyền Obama”** đã nghiên cứu, tìm hiểu vị trí của Biển Đông trong chiến lược mới của Mỹ, đánh giá sự tác động của chiến lược này đến quan hệ giữa Mỹ với Trung Quốc, với ASEAN và với một số các cơ chế đa phương. Từ đó dẫn đến sự điều chỉnh chính sách của các nước này đối với vấn đề Biển Đông. Cuối cùng là luận văn đưa ra các dự đoán về triển vọng của vấn đề Biển Đông trong chiến lược tái cân bằng của Mỹ thời gian tới, cũng như trong tương quan quan hệ giữa Mỹ và các nước trong vấn đề Biển Đông.

Điểm mới của luận văn là có tính thời sự khi vấn đề Biển Đông đang ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là Trung Quốc đẩy mạnh việc tiến hành nhiều hoạt động đơn phương, làm leo thang tình hình căng thẳng ở Biển Đông. Đồng thời, chiến lược xoay trục của Mỹ đang đi vào giai đoạn nước rút sau khi triển khai được 5 năm và chuẩn bị kết thúc nhiệm kỳ của Tổng thống Mỹ Obama, do vậy có thể đưa ra được kết quả nghiên cứu quan trọng, kịp thời, góp phần cho công tác nghiên cứu và đánh giá về vấn đề Biển Đông trong chiến lược tái cân bằng của Mỹ giai đoạn hiện nay và sắp tới.

28. Đề tài: Cạnh tranh ảnh hưởng Nga – Trung tại khu vực Trung Á từ đầu thế kỷ XXI đến nay

Học viên: Nguyễn Nhật Anh

Mặc dù hiện nay hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng xung đột sắc tộc, các vấn đề tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích quốc gia vẫn đang diễn ra phức tạp với những yếu tố khó lường. Trong quan hệ giữa các nước lớn, hợp tác là xu thế chủ đạo, nhưng đồng thời cạnh tranh vẫn đang tiếp tục diễn ra do những khác biệt về lợi ích. Do đó, trong quan hệ giữa Nga và Trung Quốc tại Trung Á, vẫn tồn tại những mâu thuẫn và xung đột lợi ích, dẫn đến cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa hai quốc gia này tại khu vực.

Bên cạnh đó, cả Nga và Trung Quốc đều là những đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam; bởi vậy, việc nghiên cứu cạnh tranh ảnh hưởng Nga - Trung tại khu vực Trung Á sẽ giúp chúng ta hiểu rõ thêm mối quan hệ giữa hai đối tác này, cũng như có những tham chiếu, đối sách về những toan tính chiến lược của Nga và Trung Quốc ở các khu vực khác, đặc biệt là tại khu vực Đông Nam Á, và phản ứng của các quốc gia trong khu vực Trung Á để có thể xây dựng cho mình đối sách phù hợp.

Luận văn với đề tài: **“Cạnh tranh ảnh hưởng Nga – Trung tại khu vực Trung Á từ đầu thế kỷ XXI đến nay”** đã tập trung nghiên cứu cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nga và Trung Quốc tại khu vực Trung Á trong các lĩnh vực an ninh – quân sự, kinh tế - năng lượng từ đầu thế kỷ XXI đến nay, dựa trên cơ sở phân tích vị trí chiến lược của khu vực này trên các phương diện địa chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội và lợi ích của mỗi bên tại khu vực Trung Á trên các phương diện an ninh, chính trị, kinh tế và xã hội, cũng như chính sách của hai cường quốc này đối với các nước tại khu vực Trung Á. Đồng thời, luận văn cũng cố gắng làm rõ phản ứng của chính phủ và người dân các nước khu vực Trung Á đối với cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nga và Trung Quốc, phân tích những tác động tích cực cũng như tiêu cực của cuộc cạnh tranh ảnh hưởng này trên bình diện khu vực và quốc tế.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích một số yếu tố tác động tới cuộc cạnh tranh như tình hình hiện tại của hai cường quốc Nga, Trung Quốc, chính sách của các nước Trung Á và vai trò của một số nước khác trong khu vực, tác giả cũng đưa ra các kịch bản, dự báo chiều hướng phát triển của cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nga và Trung Quốc tại khu vực Trung Á trong tương lai.

29. Đề tài: Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông từ năm 1992 đến 2015.

Học viên: Nguyễn Trọng Thành

Tranh chấp Biển Đông đang lộ rõ những nguy cơ tiềm ẩn đe dọa hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực. Do tầm quan trọng của Biển Đông đối với khu vực và thế giới, sự phức tạp của các tranh chấp cũng như khác biệt về lập trường giữa các bên tranh chấp nên tranh chấp Biển Đông đang là nhân tố gây nên sự mâu thuẫn và căng thẳng leo thang giữa các nước trong và ngoài khu vực. Đặc biệt là trong thời gian gần đây, Trung Quốc có thái độ cứng rắn, hung hăng và quả quyết hơn trong việc đơn phương tuyên bố chủ quyền 80% diện tích Biển Đông. Vì thế, giải quyết tranh chấp Biển Đông đang là thách thức chung lớn đối với các quốc gia, khu vực và thế giới. Chính vì thế, việc nghiên cứu về ASEAN nói chung và cách ASEAN vận dụng các cơ chế của mình trong quá trình giải quyết tranh chấp Biển Đông nói riêng, trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị đối với Việt Nam nhằm tranh thủ ASEAN trong quá trình giải quyết tranh chấp Biển Đông mang tính cấp thiết, thực tế và càng trở nên có ý nghĩa khoa học.

Luận văn với đề tài: **“Vai trò của ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông từ năm 1992 đến 2015”** đã tập trung khái quát, làm rõ tranh chấp Biển Đông giữa các quốc gia trong khu vực và tác động ảnh hưởng của tranh chấp Biển Đông đối với các nước liên quan và tổ chức ASEAN; phân tích làm rõ tầm quan trọng của Biển Đông đối với các lĩnh vực như kinh tế, chính trị và an ninh an toàn hàng hải. Luận văn cũng tập trung phân tích các hoạt động của ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông từ năm 1992 đến 2015. Từ đó, làm rõ vai trò của ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông. Trên cơ sở đó, đánh giá những thành công và hạn chế trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp Biển Đông của ASEAN trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra dự báo tình hình tranh chấp Biển Đông, xu hướng phát triển của khu vực và đóng góp của ASEAN trong quá trình giải quyết tranh chấp Biển Đông trong thời gian tới. Từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam nhằm nâng cao vai trò của ASEAN, cũng như sự tranh thủ ASEAN trong quá trình giải quyết tranh chấp Biển Đông đảm bảo lợi ích chung của khối và lợi ích lâu dài của Việt Nam.

30. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Obama và tác động của mối quan hệ này tới an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Học viên Trịnh Thị Lý

Quan hệ Mỹ - Nga, kể từ thời kỳ Chiến tranh lạnh, luôn là cặp quan hệ phức tạp, đóng vai trò lớn trong hệ thống quan hệ quốc tế với diễn biến thăng trầm qua nhiều giai đoạn khác nhau. Dưới thời Obama (2009 - 2015), chính quyền hai nước đã có những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối với nhau nhằm bảo vệ các mục tiêu cốt lõi của mình.

Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu của mình, người viết trình bày những nhân tố tác động tới quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Obama thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa hai nước trước 2009, những nét chính trong tình hình quốc tế, khu vực Châu Âu và tình hình nội bộ của Mỹ và Nga cũng như phân tích sự phụ thuộc về lợi ích của Mỹ và Nga đối với nhau.

Trên cơ sở khái quát chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với nhau từ 2009 đến 2015, công trình cũng đi sâu phân tích những nội dung cơ bản về thực trạng quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Obama trên các lĩnh vực chính trị - quân sự, kinh tế và một số lĩnh vực khác; ngoài ra những thách thức từ những vấn đề còn tồn đọng trong quan hệ hai nước cũng được đề cập tới.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh Châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành tâm điểm cuộc cạnh tranh địa chính trị gay gắt giữa các nước, trong đó có Mỹ và Nga, luận văn cũng tập trung trình bày vai trò, lợi ích của Mỹ và Nga ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và tác động của quan hệ Mỹ - Nga dưới thời Tổng thống Obama tới một số vấn đề quan trọng của an ninh khu vực này như một số điểm nóng, các cơ chế an ninh đa phương và quan hệ giữa các nước lớn tại Châu Á – Thái Bình Dương.

31. Đề tài: Chính sách biển của Trung Quốc từ 2002 - 2014

Học viên: Vũ Thế Anh

Bước sang thế kỷ 21, tình hình quốc tế có nhiều diễn biến nhanh và phức tạp, các nước lớn có sự dịch chuyển trong chính sách và chiến lược phát triển, căng thẳng chính trị và tranh chấp lãnh thổ tại nhiều khu vực có xu hướng leo thang, sự phục hồi kinh tế thế giới ở nhiều nơi vẫn còn chậm, thảm họa thiên tai ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc ngày càng thể hiện trỗi dậy mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực biển. Tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 18, ý tưởng về xây dựng "cường quốc biển" được Chủ tịch, Tổng Bí thư Tập Cận Bình đưa ra càng cho thấy tham vọng của Trung Quốc trong lĩnh vực "không gian phát triển mới" này.

Tại khu vực Biển Đông, trong bối cảnh căng thẳng về tranh chấp biên giới lãnh hải giữa Việt Nam và Trung Quốc chưa được giải quyết, phía Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh nhiều chính sách, chiến lược nhằm "chiếm trọn" hơn 80% diện tích Biển Đông đang khiến không chỉ Việt Nam và các nước có cùng tranh chấp với Trung Quốc bất bình, mà còn khiến cộng đồng quốc tế lo ngại trước tham vọng quá lớn của Trung Quốc.

Nội dung luận văn gồm 3 chương: **Chương 1: Các nhân tố tác động đến chính sách biển của Trung Quốc (2002-2014):** Chương này khái quát các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến chính sách biển của Trung Quốc. Việc phân tích những nhân tố này sẽ làm sáng rõ về cơ sở hình thành Chính sách biển của Trung Quốc từ 2002-2014; **Chương 2: Thực trạng triển khai chính sách biển của Trung Quốc (2002-2014):** Chương này đề cập và phân tích đến các chính sách biển mà Trung Quốc đã triển khai và kết quả đạt được trong từng giai đoạn 2002-2007, 2008-2012, 2013-2014. Từ đó hiểu rõ về định hướng phát triển chính sách biển của Trung Quốc trong cả giai đoạn 2002-2014; **Chương 3: Một số nhận xét về tác động và định hướng phát triển chính sách biển của Trung Quốc đến năm 2020:** Chương này đưa ra những phân tích về tác động của chính sách biển của Trung Quốc đến mọi mặt đời sống quốc tế, đặc biệt là khu vực châu Á Thái Bình Dương và Việt Nam. Đồng thời, tác giả đề cập đến các mục tiêu và các biện pháp thực thi phát triển chính sách biển của Trung Quốc đến năm 2020.

32. Đề tài: Ảnh hưởng của vấn đề tranh chấp lãnh thổ tới quan hệ giữa Nga và Nhật Bản sau chiến tranh lạnh

Học viên: Nguyễn Hải An

Chiến tranh lạnh kết thúc đã kéo theo sự sụp đổ của trật tự hai cực, mở đường cho sự hình thành một trật tự mới theo hướng đa cực, đa trung tâm. Bức tường ngăn cách phân chia kinh tế thế giới thành hai nền kinh tế riêng biệt, đối lập nhau cũng bị phá vỡ. Kinh tế thế giới trở thành một thị trường thống nhất trong đó các xu thế liên kết kinh tế, toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước lớn đều phải điều chỉnh chiến lược, chính sách đối ngoại nhằm tối ưu hóa lợi ích của mình trong một hệ thống quan hệ quốc tế đang được định hình lại. Trong bối cảnh thế giới có những thay đổi lớn lao và nhanh chóng như vậy, tranh chấp chủ quyền với bốn hòn đảo nhỏ ở quần đảo Kuril - Một vết tích của cuộc đối đầu đã kết thúc cách đây hơn 20 năm vẫn còn cản trở sự bình thường hóa quan hệ giữa Nga và Nhật Bản, cản trở sự ổn định và phát triển của mỗi nước, trường hợp này hết sức đáng quan ngại và cần được quan tâm một cách thích đáng.

Trong lúc môi trường quốc tế đang biến đổi ngày càng phức tạp và khó đoán định, việc nghiên cứu những tác động của vấn đề tranh chấp lãnh thổ đến quan hệ song phương Nga-Nhật Bản có ý nghĩa rất thiết thực. Luận văn với đề tài **“Ảnh hưởng của vấn đề tranh chấp lãnh thổ tới quan hệ giữa Nga và Nhật Bản sau chiến tranh lạnh”** sẽ đóng góp một phần vào việc phân tích, dự báo tình hình quan hệ Nga-Nhật. Đây là cặp quan hệ quan trọng ở châu Á-Thái Bình Dương, những tiến triển trong quan hệ này có tác động nhất định tới sự ổn định khu vực và tới quan hệ giữa các nước lớn. Đối với Việt Nam, là một nước nhỏ có vị trí địa – chiến lược quan trọng ở châu Á – Thái Bình Dương, thực tiễn lịch sử cho thấy môi trường khu vực và quan hệ giữa các nước lớn có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của chúng ta. Do vậy, việc tìm hiểu tác động của tranh chấp lãnh thổ đến quan hệ Nga-Nhật trước hết phục vụ cho công tác nghiên cứu và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam với Liên bang Nga và Nhật Bản, sau đó là chính sách đối ngoại của ta đối với các nước lớn khác trong khu vực.

Luận văn đã tập trung phân tích và đánh giá những tác động của vấn đề tranh chấp lãnh thổ đến quan hệ Nga-Nhật Bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh-quốc phòng, trong đó nội dung trọng tâm là ảnh hưởng của tranh chấp đến quan hệ giữa hai nước thời kỳ sau chiến tranh lạnh.

Trên cơ sở những phân tích và đánh giá nói trên, tác giả kết luận về tác động của tranh chấp đến quan hệ Nga-Nhật trên các phương diện: quy mô, mức độ, và đây có phải là nhân tố quyết định đối với mỗi quan hệ song phương này hay không. Từ đó, luận văn nêu lên triển vọng và ý nghĩa của việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ đối với quan hệ Nga-Nhật.

33. Đề tài: Chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ từ thời Hồ Cẩm Đào đến nay

Học viên: Nguyễn Gia Đoàn Tú

Bước vào thế kỷ XXI, trong xu thế toàn cầu hóa, các nước lớn như Trung Quốc và Mỹ luôn tìm cách chi phối mọi mặt của đời sống quốc tế. Giữa hai cường quốc này tồn tại một cuộc cạnh tranh mạnh mẽ giành quyền ảnh hưởng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Do đó các chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ không chỉ là vấn đề riêng của hai nước mà còn có tác động sâu sắc đến tình hình khu vực và quốc tế. Vì vậy, mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích và làm rõ chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ qua hai thời Tổng Bí thư và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam; dự báo và đánh giá chính sách của Trung Quốc cũng như triển vọng của cặp quan hệ Trung – Mỹ, góp phần giúp Việt Nam đề xuất những chính sách đối ngoại khéo léo, độc lập, tự chủ, nhằm tranh thủ lợi ích và tránh được những bất lợi trong hoàn cảnh hiện nay.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kết cấu luận văn gồm ba chương:

Chương 1. CỤC DIỆN THẾ GIỚI VÀ TÌNH HÌNH TRUNG, MỸ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ 21: Đề cập đến cục diện thế giới những năm đầu thế kỉ 21, sự “trỗi dậy” vô cùng mạnh mẽ của Trung Quốc, sự suy yếu tương đối của Mỹ, và tình hình chính trị phức tạp xảy ra ở mọi khu vực trên Thế giới dưới sự ảnh hưởng của hai cường quốc trên.

Chương 2. Chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ trong những năm đầu thế kỷ 21: Phân tích mối quan hệ, sự kế thừa và khác biệt trong chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ từ nhiệm kì đầu của Hồ Cẩm Đào tới nay, chính sách của Trung Quốc nhằm vào Mỹ để “trỗi dậy hoà bình” và thực hiện “giấc mơ Trung Hoa” cũng như chiến lược “quay trở lại châu Á” của Mỹ. Đánh giá những hành động đã được triển khai cũng như tính hiệu quả của những chính sách này.

Chương 3. Dự báo về chính sách của Trung Quốc đối với Mỹ trong thời gian tới và ảnh hưởng của chúng đến Việt Nam: Đánh giá và dự báo triển vọng của quan hệ Trung Mỹ, cũng như những tác động của cặp quan hệ này đối với Việt Nam; đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp nhằm góp phần giúp Việt Nam tranh thủ những lợi ích và giảm thiểu thiệt hại trước tình hình hiện nay.

34. Đề tài: Chính sách tái cân bằng của Mỹ ở Châu Á – Thái Bình Dương và tác động tới quan điểm, lập trường của ASEAN trong vấn đề Biển Đông

Học viên: Nguyễn Liên Anh

Biển Đông có vị trí, tầm quan trọng chiến lược và lợi ích nhiều mặt đối với Mỹ và nhiều nước trên thế giới. Với vị trí địa lý, biển Đông thuộc châu Á – Thái Bình Dương, với vai trò chiến lược và những vấn đề nổi lên hiện nay, biển Đông thực sự là một phần hết sức quan trọng trong chính sách “tái cân bằng” tại châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ. Thời gian qua, Mỹ không chỉ thể hiện rõ ràng lập trường, quan điểm của mình về chính sách biển Đông của mình thông qua các tuyên bố tại các diễn đàn song phương, đa phương, hình thức chính thức và không chính thức, Mỹ còn thể hiện bằng các hành động cụ thể của mình để triển khai chính sách này trên nhiều mặt, nhất là mặt quân sự... Trước việc triển khai chính sách này của Mỹ tại biển Đông, đã có nhiều nước phản ứng và ủng hộ, chờ đón lẫn phản đối, trong đó Trung Quốc phản đối mạnh mẽ nhất với chính sách này, trong khi các nước ASEAN hoan nghênh chính sách, nhưng các nước này cũng còn thận trọng trong tiếp cận chính sách này của Mỹ. Đây có thể là một trong những lý do Mỹ chưa triển khai mạnh mẽ chính sách của mình tại khu vực thời gian qua.

Quá trình triển khai chính sách “tái cân bằng” tại châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ còn có tác động cả trực tiếp, gián tiếp tới quan điểm, lập trường của ASEAN nói chung và từng nước trong ASEAN nói riêng về giải quyết các vấn đề biển Đông. Điều này, tạo ra những thay đổi rõ rệt cả về nội dung và hình thức thể hiện quan điểm, lập trường của cả khối và các quốc gia ASEAN riêng lẻ về vấn đề biển Đông.

Qua nghiên cứu kết quả triển khai chính sách trên đã cho thấy, Mỹ thực sự mong muốn triển khai mạnh mẽ chính sách, bước đầu đã có những thành tựu nhất định, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế do các nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Thời gian tới, sức mạnh trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực lớn hơn trước sẽ là động lực để Mỹ triển khai mạnh mẽ hơn chính sách này với những nội dung thiết thực, hiệu quả hơn.

Trước tình hình trên, Việt Nam cũng cần tranh thủ tác động tích cực của chính sách này để thúc đẩy quan hệ với Mỹ và tận dụng nhân tố Mỹ tạo thuận lợi cho Việt Nam giải quyết vấn đề biển Đông với Trung Quốc và các nước khác.

35. Đề tài: Các Hiệp định thương mại tự do trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama

Học viên: Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Là một siêu cường thế giới, chính sách đối ngoại của Mỹ được thực hiện một cách tổng thể và toàn diện, trong đó cả ba trụ cột kinh tế, chính trị và an ninh đều được coi trọng nhằm mục tiêu thúc đẩy lợi ích của Mỹ trên toàn cầu. Trong bối cảnh phải đối mặt với những khó khăn về đối nội và đối ngoại, Chính quyền Tổng thống Obama đã tích cực tranh thủ sự thay đổi của xu hướng liên kết kinh tế quốc tế, xây dựng hình mẫu các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới thông qua việc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với Châu Á – Thái Bình Dương và Hiệp định Đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) với Châu Âu; coi đây là một trong những công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Đối với Việt Nam, trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, Việt Nam có nhu cầu tìm hiểu rõ hơn quá trình thúc đẩy và triển khai các FTA của Mỹ qua đó tìm ra những kinh nghiệm bổ ích, góp phần vào quá trình hoạch định chính sách, xác định các chiến lược đàm phán, hội nhập kinh tế quốc tế một cách phù hợp trong tình hình hiện nay.

Xuất phát từ nhận thức trên, mục đích nghiên cứu của Luận văn nhằm chỉ rõ xu hướng điều chỉnh và thúc đẩy đàm phán các FTA thế hệ mới của Chính quyền Obama nhằm phục vụ các mục tiêu chiến lược quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như tác động của quá trình này đến chính sách kinh tế - thương mại của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Việt Nam.

Luận văn được trình bày theo 3 Chương với nội dung chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn cho sự ra đời các Hiệp định thương mại tự do. Chương này tập trung tìm hiểu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn dẫn đến quá trình thúc đẩy mở cửa thị trường và tự do hóa thương mại thông qua việc đàm phán và ký kết các FTA.

Chương 2: Các Hiệp định thương mại tự do và vai trò của chúng trong chính sách đối ngoại của Chính quyền Obama. Chương này tập trung đánh giá tầm trọng của các FTA đối với nền kinh tế, chính trị Mỹ dẫn đến xu hướng điều chỉnh thúc đẩy đàm phán các FTA thế hệ mới của Chính quyền Obama.

Chương 3: Chiều hướng triển khai các Hiệp định thương mại tự do và tác động đến chính sách kinh tế - thương mại của Mỹ với khu vực và Việt Nam. Chương này tập trung đánh giá tác động của xu hướng thúc đẩy các FTA đối với chính sách kinh tế - thương mại của Mỹ với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Việt Nam.

36. Đề tài : Quan hệ Mỹ - Philippines từ đầu thế kỷ XXI đến nay

Học viên : Nguyễn Thị Hoài Anh

Quan hệ Mỹ - Philippines đã được hình thành từ trong lịch sử cận đại và ngày càng được củng cố. Quan hệ Mỹ - Philippines nhanh chóng được khôi phục không chỉ bởi từ vụ khủng bố ngày 11/9/2001, những căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung năm 2008, mà còn bởi những xung đột ngày càng quyết liệt giữa Trung Quốc và một số nước trong khu vực cùng tuyên bố chủ quyền trên biển Đông.

Những tranh chấp về lãnh thổ tại Biển Đông được coi là một trong những điểm nóng cho sự bất ổn định về an ninh tại khu vực. Mặc dù Mỹ không phải là một bên tranh chấp tại Biển Đông, song nước này có các lợi ích trong việc duy trì sự tự do đi lại trên biển và trên không tại Biển Đông. Những tranh chấp chủ quyền trên biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc ngày càng leo thang căng thẳng và Philippines quyết định kiện Trung Quốc ra Tòa Trọng tài Quốc tế bởi những hành xử hung hăng của Trung Quốc. Đồng thời Philippines kêu gọi Mỹ hỗ trợ nước này theo những hiệp ước mà hai bên đã ký kết.

Luận văn tập trung phân tích và nghiên cứu những thay đổi trong quan hệ của Mỹ đối với Philippines trong từng giai đoạn. Trong bối cảnh tranh chấp lãnh thổ ở biển Đông trở nên hết sức căng thẳng giữa Philippines và Trung Quốc, Hiệp định hợp tác quốc phòng nâng cao (EDCA) được ký, được coi là bước cụ thể mới nhất trong chiến lược “xoay trục” sang Châu Á của Mỹ. Bên cạnh hợp tác quân sự vốn tạo được sự chú ý rất lớn những vấn đề về kinh tế và văn hóa cũng sẽ có những đóng góp rất lớn tới quan hệ đồng minh hai bên. Song song với các khoản viện trợ quân sự, Mỹ đang nỗ lực hỗ trợ Philippines phát triển kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo. Thông qua các chương trình này, Philippines tranh thủ phát triển nội lực, tăng tiềm lực đối phó với những thách thức trong và ngoài nước. Đối với Mỹ, đây cũng là cơ hội tăng cường ảnh hưởng khu vực nhằm kiềm chế một Trung Quốc đang trở dậy mạnh mẽ.

Trong bối cảnh tranh chấp biển Đông gay gắt như hiện nay, việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Philippines sẽ góp phần làm rõ hơn ảnh hưởng của mối quan hệ Mỹ - Philippines đối với an ninh khu vực. Đồng thời, qua đó có thể nêu lên một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam. Cũng giống như Philippines, Việt Nam cần tập trung mọi nguồn lực để có thể bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Đã đến lúc Việt Nam cần có định hướng chính sách đối ngoại phù hợp với những thay đổi trong quan hệ song phương và để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Bên cạnh đó, Việt Nam cần phát huy nội lực, củng cố quốc phòng và kêu gọi sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và thu hút những đồng minh tiềm tàng.

37. Đề tài: Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại với cộng đồng người Việt ở Mỹ

Học viên: Nguyễn Việt Kiên

Với số lượng khoảng 2,2 triệu người, chiếm 55% tổng số người Việt định cư ở nước ngoài, cộng đồng người Việt (CĐNV) ở Mỹ luôn là một bộ phận hết sức quan trọng trong CĐNV ở nước ngoài. Trong những năm gần đây, CĐNV ở Mỹ ngày càng có nhiều đóng góp to lớn cho công cuộc đổi mới của đất nước, tuy nhiên, thực tế cho thấy những đóng góp trên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của cộng đồng này. Trong khi đó, các thế lực thù địch tại Mỹ vẫn không ngừng tuyên truyền xuyên tạc, chống phá chế độ chính trị và sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước, gây nên những nhận thức lệch lạc trong bà con Việt kiều tại đây, tác hại không nhỏ đến chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước ta. Trước thực tế trên, công tác đối ngoại nói chung, công tác thông tin đối ngoại (TTĐN) nói riêng phải là hoạt động hàng đầu trong chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với CĐNV ở Mỹ nhằm giúp cộng đồng hiểu đúng, hiểu đầy đủ về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; đấu tranh dư luận chống lại các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch. Nhằm làm sáng tỏ hơn nữa vai trò, tầm quan trọng của công tác TTĐN đối với CĐNV ở Mỹ, tổng kết lại những mặt đã đạt được và chưa đạt được của hoạt động này, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục hạn chế và nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác TTĐN đối với cộng đồng, tôi quyết định chọn: “*Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại với cộng đồng người Việt ở Mỹ*” làm đề tài luận văn Thạc sĩ của mình. Nội dung luận văn gồm 3 chương chính:

Chương 1 phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác TTĐN của Việt Nam đối với CĐNV ở Mỹ.

Chương 2 khái quát hóa ba nội dung chính của công tác TTĐN của Việt Nam đối với CĐNV ở Mỹ gồm: Tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; Quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; phản bác các thông tin xuyên tạc, chống phá Việt Nam.

Chương 3 tóm tắt định hướng của Đảng, Nhà nước về việc phát triển công tác TTĐN đối với CĐNV ở Mỹ; kinh nghiệm tiến hành công tác TTĐN đối với kiều bào của một số nước trên thế giới; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác TTĐN của Việt Nam đối với CĐNV ở Mỹ.

38. Đề tài: Vai trò của ngoại giao trong quá trình hội nhập kinh tế của CHDCND Lào

Học viên: Sor Her

Thế kỷ XXI, xu hướng toàn cầu hóa phủ rộng trên mọi mặt của mỗi quốc gia: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... hội nhập quốc tế đã trở thành một xu thế chung của thế giới hiện đại, tác động mạnh mẽ đến quan hệ quốc tế và đời sống của từng quốc gia. Ngày nay, hội nhập quốc tế là lựa chọn tiên quyết của hầu hết các quốc gia để phát triển. Trong bối cảnh đó, để không bị tụt hậu so với thời đại, Lào cần chủ động nắm bắt thời cơ, khắc phục những tồn tại, tiêu cực trong nước, tham gia tích cực vào xu thế hội nhập quốc tế. Xu thế hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập về kinh tế đặt ra những thách thức mới đối với ngoại giao kinh tế. Ngoại giao được coi là một trong những nhân tố quan trọng và đóng vai trò tiên phong mở đường cho kinh tế phát triển, mở rộng thị trường, góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Việc nghiên cứu vai trò của ngoại giao trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Lào góp phần hiểu rõ thêm về nhiệm vụ của công tác ngoại giao phục vụ kinh tế trong thời kỳ mới, làm cơ sở để phát huy tối đa vai trò của ngoại giao trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Luận văn này được chia thành 3 chương:

Chương 1: Khái quát quá trình hội nhập kinh tế của Lào: trình bày khái quát bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước dẫn đến hội nhập kinh tế quốc tế của Lào; sự thay đổi nhận thức của Đảng và Nhà nước qua các kỳ đại hội Đảng NDCM Lào (từ đại hội Đảng lần thứ IV năm 1986 đến đại hội Đảng lần thứ IX năm 2011); **Chương 2: Ngoại giao đối với sự phát triển kinh tế Lào giai đoạn hội nhập:** tập trung làm rõ Chính sách đối ngoại nói chung và chính sách ngoại giao phục vụ kinh tế của Lào; từ đó chỉ rõ vai trò của ngoại giao đối với sự phát triển kinh tế của đất nước Lào trong giai đoạn hội nhập; **Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động ngoại giao đối với sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào:** tập trung vào đánh giá kết quả của công tác ngoại giao, triển vọng hội nhập kinh tế của Lào; gợi ý một số giải pháp để nâng cao hiệu quả phát huy vai trò của ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, tập trung vào giải pháp cơ chế phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp và giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.

39. Đề tài: Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông của các nước từ năm 2000 đến năm 2014

Học viên: Bùi Đức An

Biển Đông là một trong những vùng biển có vị trí địa chính trị vô cùng quan trọng, là cửa ngõ chính để kết nối Việt Nam với khu vực và thế giới. Tuy nhiên, từ năm 2000 đến năm 2014, tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông ngày càng phức tạp, tác động không nhỏ đến môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực, tác động trực tiếp đến việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông và đề xuất những giải pháp giải quyết tranh chấp trên Biển Đông có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia góp phần giữ vững môi trường hòa bình ổn định trong khu vực và thế giới. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài “*Tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông của các nước từ năm 2000 đến năm 2014*” làm luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Biển Đông. Tác giả tập trung đánh giá khái quát vị trí, tài nguyên và vai trò của Biển Đông đối với khu vực và thế giới, nhất là đối với các nước có tuyên bố yêu sách chủ quyền, các nước trong khu vực và các nước lớn.

Chương 2: Thực trạng tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông của các nước từ năm 2000 đến năm 2014. Chương này tác giả tập trung nghiên cứu quan điểm, yêu sách chủ quyền của Trung Quốc và Đài Loan, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây ở Biển Đông và thực trạng tranh chấp chủ quyền của các nước ở 4 khu vực: khu vực Đông Sa, quần đảo Hoàng Sa, khu vực Trung Sa và quần đảo Trường Sa từ năm 2000 đến năm 2014.

Chương 3: Một số giải pháp thúc đẩy giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông hiện nay. Tác giả đưa ra 06 nhóm giải pháp nhằm góp phần tháo gỡ, làm giảm bớt căng thẳng, quản lý xung đột, tạo dựng môi trường hòa bình ổn định ở khu vực. Đồng thời đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam nhằm góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo quốc gia.

40. Đề tài: Chiến lược Xoay trục của Mỹ và quan hệ Mỹ - Trung

Học viên: Trần Thị Linh Đa

Trong bối cảnh Trung Quốc nhanh chóng trỗi dậy và ngày càng chứng tỏ sức mạnh trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ, việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia đều phải cân nhắc đến nhiều yếu tố, trong đó yếu tố cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và tác động của sự cạnh tranh đó đến việc củng cố an ninh và ổn định của mỗi quốc gia đóng vai trò vô cùng quan trọng. Quan hệ Mỹ - Trung là mối quan hệ giữa hai nước lớn có tầm ảnh hưởng và tác động rộng rãi trong khu vực cũng như trên thế giới. Một bước chuyển hoặc sự thay đổi trong tương quan so sánh lực lượng, hoạch định và triển khai chính sách của một nước bao giờ cũng đưa đến các phản ứng chính sách của nước kia, và theo đó quá trình tương tác chính sách này bao giờ cũng tạo ra những hệ quả mới trong quan hệ Mỹ - Trung. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (CA-TBD) từ lâu đã được đánh giá là tương lai của thế giới trong thế kỷ XXI. Chính vì vậy, nhiều quốc gia mong muốn can dự, gắn kết với khu vực này. Vào năm thứ ba của nhiệm kỳ thứ nhất, Tổng thống B.Obama đã chính thức công bố việc thay đổi chiến lược, cụ thể là chiến lược Xoay trục hướng sang khu vực CA-TBD. Câu hỏi đặt ra là chiến lược Xoay trục của Mỹ bị tác động bởi yếu tố Trung Quốc như thế nào, và khi chiến lược đó được hình thành đã có tác động trở lại tới quan hệ Mỹ - Trung Quốc đến đâu? Luận văn với đề tài “**Chiến lược Xoay trục của Mỹ và quan hệ Mỹ - Trung**” sẽ đi vào giải quyết những câu hỏi nghiên cứu này.

Chiến lược Xoay trục không phải là một chiến lược “tĩnh” mà là một chiến lược “động”, luôn được điều chỉnh dựa vào sự phản ứng của khu vực và khả năng của chính quyền Mỹ. Vì vậy, việc cập nhật thông tin, theo sát các diễn biến của vấn đề là điều cần thiết. Việc nghiên cứu sâu hơn về chiến lược Xoay trục cũng như mối quan hệ Mỹ - Trung giai đoạn từ 2008 đến nay dưới tác động của chiến lược này là điều phải liên tục cập nhật và bổ sung. Với cách tiếp cận phân tích các khía cạnh như chính trị, an ninh, quân sự, kinh tế và thương mại, Luận văn sẽ làm sáng tỏ hơn quá trình hình thành và triển khai chiến lược Xoay trục của Mỹ, cũng như ảnh hưởng của chiến lược Xoay trục đối với quan hệ Mỹ - Trung trong thời điểm hiện nay, từ đó cũng đưa ra một số dự báo về quan hệ của hai nước trong tương lai. Đồng thời, Luận văn đánh giá những tác động, những cơ hội và thách thức với Việt Nam trong bối cảnh đó và đưa ra những khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

Khu vực CA-TBD ngày càng năng động và trở thành trung tâm của thế kỷ XXI. Trung Quốc và Mỹ đều muốn gia tăng tầm ảnh hưởng của mình tại khu vực này. Số lượng bài viết về vấn đề này ngày càng nhiều trên các báo và tạp chí nghiên cứu quan hệ quốc tế, chứng tỏ mức độ quan trọng của vấn đề đối với đời sống quan hệ quốc tế. Luận văn hi vọng sẽ là một công trình nghiên cứu khoa học có tính tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam có thêm tài liệu, thông tin trong việc xử lý quan hệ với Trung Quốc và Mỹ.

41. Đề tài: Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga từ năm 2001 đến năm 2015

Học viên: Đào Thu Hiền

Quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga ngày nay là sự tiếp nối và kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam- Liên Xô trước đây. Năm 2001 hai nước ký “Tuyên bố chung về Quan hệ đối tác chiến lược” và đến năm 2012 phát triển thành “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện”. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga luôn chịu sự chi phối, tác động mạnh mẽ của bối cảnh thế giới và khu vực đầy biến động, sự hình thành trật tự thế giới mới, cuộc cách mạng khoa học- công nghệ, xu thế toàn cầu hóa, vấn đề độc lập dân tộc, các nước lớn và quan hệ giữa các nước lớn, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột do mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, những vấn đề toàn cầu hết sức bức thiết như tình trạng ô nhiễm môi trường, tội phạm quốc tế, bệnh dịch hiểm nghèo...Đứng trước những vận hội và thách thức mới đan xen, với quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo hai nước Việt Nam và Liên bang Nga và sự gắn gũi trong lập trường, quan điểm về nhiều vấn đề quốc tế quan trọng, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga ngày càng phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu với những thành tựu khích lệ trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, đối ngoại, an ninh đến văn hoá, giáo dục, khoa học - kỹ thuật..., đáp ứng lợi ích thiết thực của mỗi nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nhưng do tác động từ tình hình mỗi nước và từ môi trường quốc tế cũng như khu vực hiện nay, hợp tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga cũng đang đứng trước những khó khăn không nhỏ. Đặc biệt, quan hệ hai nước Việt Nam - Liên bang Nga chưa thực sự ngang tầm đối tác chiến lược, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai nước. Thời gian qua, hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga chỉ mới phát huy được tác dụng trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao và phần nào trong một số lĩnh vực hợp tác khác. Hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư - một trong những thước đo quan trọng nhất của mọi mối quan hệ giữa các quốc gia, vẫn còn ở mức thấp, các khả năng và tiềm năng hợp tác của cả hai bên chưa được phát huy, sử dụng có hiệu quả.

Luận văn với đề tài: **“Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga từ năm 2001 đến năm 2015”** đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam- Liên bang Nga, đồng thời nêu lên thực trạng trong quan hệ hai nước, phân tích đánh giá những kết quả đạt được, những thuận lợi và khó khăn, lợi ích của hai nước trong quá trình hợp tác kể từ khi hai nước ký quan hệ đối tác chiến lược năm 2001 đến nay. Trên cơ sở đó, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra dự báo, chiều hướng, kịch bản quan hệ hai nước đến năm 2020, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm khắc phục những khó khăn trở ngại hiện tồn tại, với mục đích đưa quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga phát triển đi vào chiều sâu thực chất, tương xứng với tầm vóc cần có của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện cũng như truyền thống tốt đẹp vốn có của mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

42. Đề tài: Hợp tác Quân sự của Mỹ với một số nước Đông Á sau Chiến tranh Lạnh

Học viên: Lê Trung Kiên

Trong bối cảnh cục diện thế giới và khu vực đã tạo điều kiện thuận lợi cho Mỹ theo đuổi mục tiêu bao trùm trong chính sách đối ngoại của Mỹ là duy trì vị trí siêu cường duy nhất, ngăn chặn không cho một nước hoặc một nhóm nước nào thách thức vai trò lãnh đạo của Mỹ. Là một cường quốc Thái Bình Dương, Mỹ có lợi ích to lớn về chính trị, an ninh ở khu vực này. Những mục tiêu chính sách cơ bản nhất của Mỹ ở khu vực trong thời kỳ mới vẫn không đổi: ngăn chặn sự xuất hiện của một nước bá quyền khu vực; đảm bảo tự do hàng hải; duy trì tiếp cận thương mại đối với các nền kinh tế khu vực; đảm bảo hoà bình và ổn định nhằm và duy trì và củng cố quan hệ an ninh với các đồng minh ở khu vực. Để đảm bảo những lợi ích này, trong thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, Mỹ tiếp tục duy trì các lực lượng triển khai phía trước và các liên minh an ninh song phương ở khu vực. Do đó, Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong các vấn đề an ninh khu vực thông qua sự hiện diện quân sự, các mối quan hệ liên minh an ninh mật thiết với Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và các thoả thuận hợp tác quân sự với một số nước ASEAN.

Luận văn với đề tài: **“Hợp tác Quân sự của Mỹ với một số nước Đông Á sau Chiến tranh Lạnh”** đã tập trung nghiên cứu các nhân tố tác động tới quá trình hợp tác quân sự của các nước trong khu vực, trong đó đi sâu vào làm rõ các yếu tố sức mạnh bên trong và bên ngoài nước Mỹ và tác động của nó tới các chính sách của Mỹ về quân sự với khu vực, đi vào làm rõ quá trình triển khai hợp tác quân sự với một số nước chủ chốt trong khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, trong đó có một số đồng minh quan trọng của Mỹ như Nhật Bản, Hàn Quốc và quan hệ Mỹ - Trung. Từ đó đánh giá và nghiên cứu thực trạng hợp tác quân sự giữa Việt Nam và Mỹ, cũng như chỉ ra được các mặt còn tồn tại trong quan hệ song phương.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quân sự giữa Việt Nam với Mỹ trong thời gian tới trên cơ sở đã phát triển quan hệ hiện nay giữa hai nước, các yếu tố thuận lợi mà Việt Nam đang hiện có, đặc biệt là sau chuyến thăm Mỹ của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng.

43. Đề tài: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Y tế của Việt Nam

Học viên: Đỗ Thị Thu Linh

Trong thời gian qua, công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu: chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng, đời sống người dân được cải thiện rõ rệt. Với sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của ngành y tế và sự tham gia tích cực của các ban ngành và toàn xã hội, Việt Nam đã đạt được kết quả đáng kể trong việc cải thiện tình trạng chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Đầu tư cho sức khỏe là đầu tư cho phát triển, góp phần xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là một bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Y tế của Việt Nam cũng trở thành một quá trình tất yếu trong chính sách đối ngoại “tích cực và chủ động hội nhập quốc tế” trên mọi lĩnh vực mà Đảng ta đã đề ra trong các kỳ Đại hội Đảng, đặc biệt là giai đoạn sau “Đổi mới”. Đối ngoại Y tế là một cấu phần, một bộ phận của chính sách đối ngoại chung của cả nước. Chính sách hội nhập giúp ngành Y tế phát triển quan hệ quốc tế và ngược lại các hoạt động hợp tác quốc tế của ngành Y tế góp phần tăng cường hội nhập quốc tế của đất nước.

Luận văn với đề tài “Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Y tế” đã tập trung nghiên cứu và làm rõ chặng đường hội nhập quốc tế của Y tế Việt Nam, từ đó đánh giá vai trò của Y tế trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên và dự báo triển vọng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Y tế trong thời gian tới, tác giả đã mạnh dạn đề xuất những phương hướng và một số kiến nghị nhằm tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Y tế.

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao cơ sở nhận thức về quá trình hội nhập quốc tế của ngành Y tế Việt Nam, làm rõ vai trò quan trọng của đối ngoại Y tế trong chính sách hội nhập quốc tế chung của đất nước.

